



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM

MEKOPHAR

Luôn luôn vì sức khỏe của bạn



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2017**

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
5. Định hướng phát triển	6
6. Rủi ro	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	9
2. Tổ chức và nhân sự	9
3. Tình hình đầu tư.....	11
4. Tình hình tài chính:.....	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	13
III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
1. Báo cáo hoạt động quản trị điều hành trong HĐQT.....	20
2. Báo cáo hoạt động quản trị điều hành trong HĐQT.....	22
3. Báo cáo chi phí hoạt động của hđqt và bks năm 2017	23
4. Phương hướng hoạt động của hội đồng quản trị năm 2018.....	24
IV. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	25
1. Hoạt động của ban kiểm soát.....	25
2. Kết quả thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2017	25
3. Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính 31/12/2017	26
4. Kết quả giám sát đối với hđqt, tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.....	32
5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKSt với HĐQT, TGD và cổ đông.....	32
6. Nhận xét và kiến nghị.....	33
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:.....	33
1. Ý kiến kiểm toán:.....	33
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:	34

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	
Tên viết tắt:	MEKOPHAR
Tên tiếng Anh:	Mekophar Chemical Pharmaceutical Joint Stock Company
Giấy CNĐKKD số:	0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 08/02/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 27 tháng 10 năm 2016.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	194.208.130.000 đồng.
Trụ sở chính:	297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM.
Điện thoại:	[84-28] 3 8650258 - 3 8650363 - 3 8650436 - 3 8652478
Fax:	[84-28] 3 8650394
Email:	info@mekophar.com
Website:	www.mekophar.com
Mã cổ phiếu:	MKP



2. Quá trình hình thành và phát triển

1975	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar được thành lập với tên gọi là Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24, là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam.	1985	Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24 sáp nhập với Xí nghiệp dược phẩm TW 22, đổi tên thành Xí nghiệp Dược phẩm TW 24 – Mekophar.
1992	Xí nghiệp Dược phẩm TW 24 - Mekophar thành lập Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Mekong.	1993	Xí nghiệp liên doanh với Công ty Woopyung - Hàn Quốc thành lập Công ty Liên doanh Woopyung - Mekophar, sản xuất nguyên liệu kháng sinh bán tổng hợp như Amoxicilin, Ampicilin.
2000	Xí nghiệp dược phẩm TW 24 mua lại toàn bộ phần vốn của đối tác liên doanh và Công ty Liên doanh Woopyung - Mekophar trở thành phân xưởng sản xuất kháng sinh của Xí nghiệp.	2001	Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24 chuyên đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar. Vốn điều lệ ban đầu của công ty là 36 tỷ đồng.
03/2003	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Mekong sáp nhập lại với Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar.	04/2003	Góp vốn xây dựng bệnh viện đa khoa An Sinh và Bệnh viện đi vào hoạt động ngày 07/05/2006.
03/2006	Công ty tăng vốn điều lệ lên 54 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng, nguồn sử dụng cho việc tăng vốn lấy từ lợi nhuận giữ lại của công ty.	12/2006	Công ty tăng vốn điều lệ lên 84 tỷ đồng thông qua đợt chào bán 3 triệu cổ phiếu ra công chúng
2008	Tăng vốn điều lệ lên 92,1 tỷ đồng.	2010	Cổ phiếu của công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn HOSE.
012	Hủy niêm yết trên HOSE từ ngày 12 tháng 7 để thực hiện việc tái cơ cấu cổ đông không có vốn đầu tư nước ngoài.	2015	Thành lập Công ty TNHH Mekophar tại Lô I-9-5, Đường 2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Tp.HCM
2016	Công ty tăng vốn điều lệ lên 194 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	2017	Cổ phiếu của công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn UPCOM.

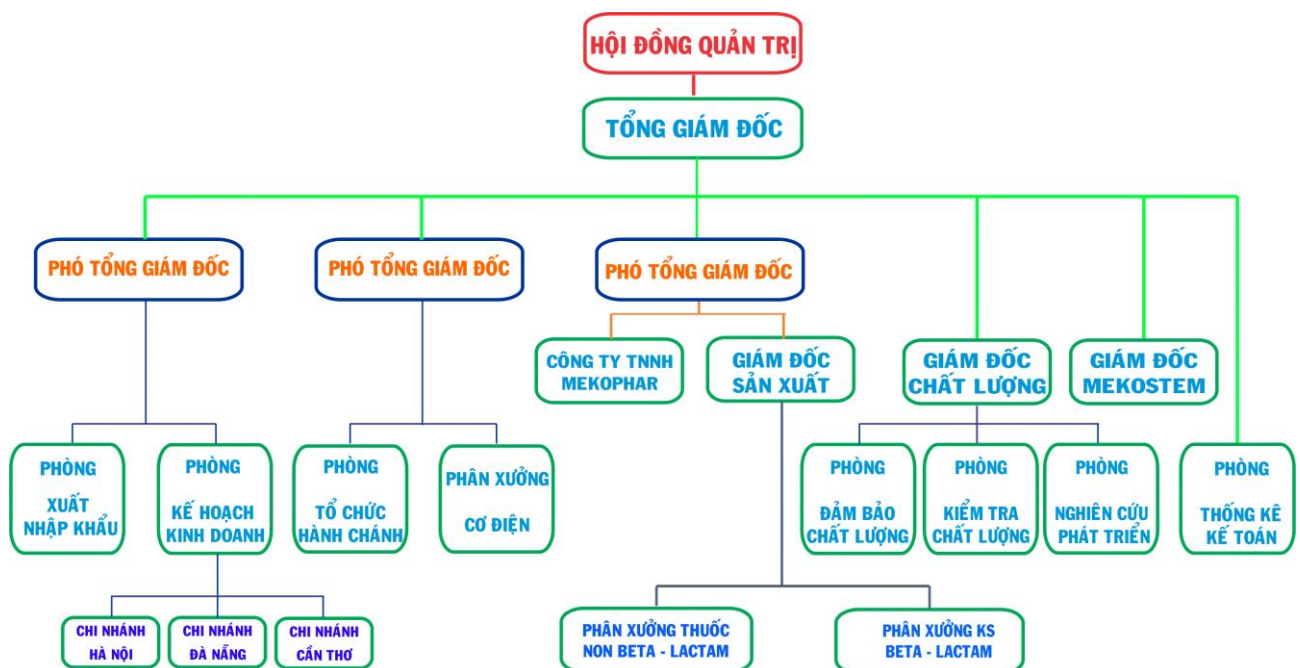
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất và kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, hoá chất, nguyên phụ liệu cho ngành dược, dụng cụ y tế; - Sản xuất bao bì dùng trong ngành dược (chai nhựa, hộp giấy, thùng carton); - Sản xuất, mua bán hàng thực phẩm công nghệ (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống); - Dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng; - Cho thuê căn hộ.
Địa bàn kinh doanh:	Thị trường kinh doanh chính của MKP là khu vực Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ chiếm 80% trên tổng sản phẩm hàng năm.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị:	Hội đồng Quản trị của Công ty có 7 thành viên. Trong đó, Chủ tịch HĐQT kiêm chức danh Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên. Ban Tổng Giám đốc gồm 4 thành viên. Trong đó có 3 Phó Tổng Giám đốc chuyên trách.
Mô hình quản lý, tổ chức kinh doanh:	<p>Mô hình quản lý của Công ty với mục tiêu cuối cùng là hướng đến sự hài lòng của khách hàng thông qua việc cung ứng các sản phẩm có chất lượng tốt ra thị trường kèm theo chính sách chăm sóc khách hàng đến từng đối tượng khác nhau.</p> <p>Về tổ chức kinh doanh, Công ty chủ yếu phân phối thuốc thông qua hệ thống các bệnh viện trên cả nước. Ngoài ra, chiến lược sắp tới của Công ty sẽ thành lập các cửa hàng phân phối sản phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để tăng thị phần ở mảng bán lẻ.</p>

Sơ đồ tổ chức



5. Định hướng phát triển

- Thông qua các chủ trương, chính sách của công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Giám Đốc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Tập trung phát triển các mặt hàng mới, chủ lực và tiềm năng, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm bảo đảm thẩm mỹ, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh của thị trường.
- Tập trung các giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao lợi nhuận, như xây dựng kế hoạch tài chính, đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến, cải tiến qui trình công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí trong sản xuất
- Tiếp tục công tác hoàn thiện việc xây dựng nhà máy mới tại khu công nghệ cao TP.HCM. Dự kiến quý I năm 2019 sẽ sản xuất thuốc xuất khẩu sang Nhật sau khi được duyệt xét GMP WHO, GMP PIC/S.
- Phát triển kế hoạch hợp tác với các Công Ty Dược nước ngoài sản xuất kinh doanh các mặt hàng đòi hỏi công nghệ cao, các mặt hàng đặc trị.
- Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm sang các nước khác.
- Tiếp tục mở rộng hoạt động Ngân hàng Tế Bào Gốc (MekoStem) trên khắp lãnh thổ Việt Nam.
- Liên kết với các Bệnh Viện xúc tiến việc thực hiện ứng dụng Tế Bào Gốc trong điều trị.
- Tiếp tục xúc tiến dự án về đất đai tại lô đất 297/5 Lý Thường Kiệt - Quận 11 và tại 620 Kinh Dương Vương - Quận Bình Tân, tìm kiếm đối tác tin cậy, có tiềm lực về tài chính để liên kết kinh doanh.
- Năm 2018 sẽ thực hiện dự án xây dựng cao ốc văn phòng tại địa điểm Số 17-27 đường 281, Lý Thường Kiệt, Phường 15, quận 11, TP.HCM và tiếp tục dự án giai đoạn 2 tại Khu Công Nghệ Cao Q 9, xây dựng dây chuyền sản xuất Dịch Truyền và dây chuyền sản xuất thuốc uống thuộc nhóm Beta lactam.

6. Rủi ro

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay		
VNĐ	+200	400.647.898
VNĐ	-200	(400.647.898)
Năm trước		
VNĐ	+200	4.013.567.756
VNĐ	-200	(4.013.567.756)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

c. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền gửi ngân hàng của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	<i>Thay đổi tỷ giá USD</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay	+ 1%	326.426.709
	-1%	(326.426.709)
Năm trước	+ 1%	433.902.160
	-1%	(433.902.160)

d. Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 10.946.711.100 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 10.946.711.100 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 1.094.671.110 đồng Việt Nam.

e. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

f. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ			20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả người bán	58.136.416.053			58.136.416.053
Cộng	58.136.416.053	-	20.000.000.000	78.136.416.053
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Phải trả người bán	45.027.181.129			45.027.181.129
Cộng	45.027.181.129	-	-	45.027.181.129

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn. Đồng thời công ty kiểm soát lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn thanh toán.

Tài sản đảm bảo: Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:****1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỉ lệ so KH %
Tổng Doanh Thu	Triệu đồng	1.300.000	1.394.244	107,2%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	110.000	153.224	153,2%

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ so KH	Tỉ lệ so cùng kỳ 2016
Doanh thu	Triệu đồng	1.300.000	1.394.244	107,20%	107,87%
Kim ngạch XK	1.000 USD	4.000	1.850	46,23%	47,43%
Kim ngạch NK	1.000 USD	11.000	9.309	84,63%	100,07%
Nộp ngân sách	Triệu đồng	60.000	63.963	106,61%	91,46%
Lãi thực hiện	Triệu đồng	110.000	153.224	153,20%	100,54%

2. Tổ chức và nhân sự

Trong năm 2017, Công ty không có sự thay đổi nào liên quan đến bộ phận quản lý, điều hành. Điều này giúp cho hoạt động quản trị của Ban điều hành luôn ổn định qua các năm. Chi tiết thời gian bổ nhiệm của các cán bộ quản lý, điều hành của Công ty như sau:

2.1 Ban điều hành**➤ Danh sách ban điều hành và tỷ lệ sở hữu:**

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Vị trí bổ nhiệm	Số cổ phần sở hữu
1	Bà Huỳnh Thị Lan	1951	Tổng Giám đốc	1.496.030
2	Bà Đặng Thị Kim Lan	1951	Phó Tổng Giám đốc	410.430
3	Ông Lê Anh Phương	1960	Phó Tổng Giám đốc	300.344
4	Bà Phan Thị Lan Hương	1977	Phó Tổng Giám đốc	1.111.078

➤ Sơ lược lý lịch của các thành viên trong Ban điều hành:**Bà Huỳnh Thị Lan:**

Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà Lan bắt đầu làm việc tại MKP từ năm 1975 với vị trí khi đó là nhân viên Phụ trách kỹ thuật Phân xưởng Tiêm - Truyền tại Xí nghiệp Dược phẩm TW 24. Với thời gian làm việc gần 40 năm, trên cương vị Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, bà đã có những đóng góp lớn trong việc định hướng phát triển Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp dược phẩm vững mạnh như hiện nay.

Bà Đặng Thị Kim Lan:

Chức danh: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Tham gia vào Công ty từ năm 1980, bà Lan đã gắn bó với Công ty hầu như từ những ngày đầu. Hiện nay bà là một trong những Phó Tổng Giám đốc chuyên trách tham gia giúp việc cho Tổng Giám đốc về sản xuất. Với chuyên ngành là dược sĩ, bà có kiến thức rất chuyên sâu về ngành dược và đã có những đóng góp nhất định trong công tác quản lý điều hành của Công ty.

Ông Lê Anh Phương:

Chức danh: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Phương tham gia làm việc tại Công ty với vị trí ban đầu là quản đốc phân xưởng cơ điện từ năm 1984. Hơn 30 năm làm việc, ông đã tham gia điều hành và hoàn thành tốt các công việc chuyên trách do Tổng Giám đốc giao.

Bà Phan Thị Lan Hương:

Chức danh: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Bà Hương là Phó Tổng Giám đốc chuyên trách về kế hoạch kinh doanh của công ty. Bà Hương làm việc tại phòng Kế hoạch Kinh doanh từ năm 2005, Với chuyên ngành là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, bà có kiến thức chuyên sâu để đưa ra Kế hoạch sản xuất và kinh doanh phù hợp thực tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh cao cho công ty và đã có những đóng góp nhất định trong công tác quản lý điều hành của Công ty.

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

a. Số lượng CB.CNVLD:

Số lượng CBCNV tại thời điểm ngày 31/12/2017 là 779 người, trong đó:

Phân loại theo trình độ	Số lao động	Tỷ lệ (%)
Đại học, trên Đại học	230	30
Cao Đẳng, Trung cấp	192	25
Phổ thông	357	45
Cộng	779	100

b. Chính sách đối với người lao động:

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 9h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h đối với các bộ phận văn phòng. Đối với cán bộ sản xuất, Công ty đang tổ chức sản xuất theo ca, với nhịp độ sản xuất 02 ca/ngày. Đối với các bộ phận đặc thù nhịp độ 03 ca/ngày.

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

Điều kiện làm việc:

Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Nhà ăn khang trang, thoáng mát, sạch sẽ, đảm bảo về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Tất cả cán bộ công nhân viên đều được Công ty đãi thọ một suất ăn mỗi ngày, ngoài ra đối với cán bộ sản xuất trực tiếp còn được hưởng chế độ trợ cấp độc hại.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là kỹ năng về GMP, kỹ năng về quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên tại nhà máy sản xuất. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về GMP, về chuyên môn, nghiệp vụ, nội quy lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, trách nhiệm quyền hạn được giao.

Đào tạo hàng năm: Căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện nội bộ hoặc kết hợp với các tổ chức chuyên nghiệp để huấn luyện. Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo. Những cán bộ công nhân viên cử đi học được Công ty hỗ trợ chi phí học tập và tạo điều kiện về thời gian.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

Công ty có chế độ lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề và bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Nhằm khuyến khích động viên mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Công ty, góp phần tăng năng suất và chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng theo bình bầu ABC. Ngoài ra, tùy vào hiệu quả kinh doanh, Công ty xét thưởng thêm cho các cán bộ, tập thể nhân viên có nhiều đóng góp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng cách cộng thưởng thêm từ 1 tháng đến 4 tháng lương vào cuối mỗi năm. Hội đồng khen thưởng sẽ xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện năng suất lao động, tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức sản xuất.

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát trong và ngoài nước, duy trì phong trào Văn - Thể - Mỹ. Công đoàn cơ sở Công ty được trao tặng cờ khen tặng của Công đoàn y tế Việt Nam công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc nhất trong nhiều năm liền.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư

❖ Đầu tư vào Công ty TNHH Mekophar 700.000.000.000 đồng

Ngày bắt đầu thi công: 19/09/2016

Hoàn thành và bàn giao công trình: 05/12/2017

- Lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử: 01/2018

- Thẩm định, được công nhận GMP WHO vào quý II và GMP PIC/S vào quý IV năm 2018.

- Bắt đầu hoạt động chính thức: dự kiến quý I năm 2019.

4. Tình hình tài chính:**4.1 Tình hình tài chính:**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	% thực hiện so với	
					Kế hoạch 2017	Thực hiện 2016
1- Tổng tài sản	Tr. đồng		1.300.617	1.149.653		
2- Doanh thu thuần	Tr. đồng	1.300.000	1.394.244	1.292.443	107,2%	107,8%
3- Lợi nhuận từ HĐKD	Tr. đồng		152.276	151.257		
4- Lợi nhuận khác	Tr. đồng		948	1.145		
5- Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	110.000	153.224	152.402	153,2%	100,5%
6- Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng		114.559	119.658		
7- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%		23%	20%		

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (theo Báo cáo tài chính hợp nhất)

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016
1/-	Khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	4,10	9,02
	- Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	6,98	2,66
2/-	Cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	20%	15%
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	25%	17%
3/-	Năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	4,90	4,51
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,05	1,10
4/-	Khả năng sinh lời			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh số thuần	%	8,38%	9,48%
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	%	11,00%	12,22%
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	8,81%	10,41%
	- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	11,14%	11,99%
5/-	Chỉ tiêu khác			
	- Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	đồng	5.984	6.251
	- Giá trị sổ sách	đồng/cp	54.013	50.742

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**5.1 Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành:	19.420.813 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành:	Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	11.895.767 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	7.320.400 cổ phần
- Số lượng cổ phần quỹ:	277.646 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	19.143.167 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Tổng cộng	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng Vốn điều lệ	732	194.208	100
1. Theo tỷ lệ sở hữu			
- Cổ đông lớn (sở hữu 5% trở lên)	5	116.928	60,21
- Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%)	727	77.280	39,79
2. Theo loại hình sở hữu			
- Cổ đông tổ chức	23	100.646	51,63
- Cổ đông cá nhân	709	93.562	48,37
3. Theo trong và ngoài nước			
- Cổ đông trong nước	703	158.217	81,46
- Cổ đông nước ngoài	29	35.991	18,54
4. Theo nhà nước và tư nhân			
- Cổ đông nhà nước	1	35.284	18,17
- Cổ đông khác	731	158.924	81,83

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tại thời điểm 31/12/2017, vốn điều lệ của Công ty là 194.208.130.000 đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017:****a) Đặc điểm tình hình:****a.1 Xuất khẩu:**

- Năm 2017 xuất khẩu gặp rất nhiều khó khăn: do ảnh hưởng của nguyên liệu đầu vào khan hiếm, giá cả tăng đột biến nên giá thành phẩm rất khó cạnh tranh được với các nước như Trung Quốc, Ấn Độ.
- Khó khăn chung về kinh tế, đặc biệt là ngành Dược phẩm trên toàn thế giới, các khách hàng gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh nên giảm mạnh việc đặt hàng.
- Việc đăng ký thành phẩm ở các nước có nhiều qui định mới, rất khó đáp ứng được toàn bộ yêu cầu theo từng thị trường qui định, việc này cũng gây nhiều khó khăn cho vấn đề phát triển thị trường mới.
- Tình hình khan hiếm đồng Đôla ở các nước cũng làm ảnh hưởng lớn đến việc thanh toán của khách hàng.

a.2 Nhập khẩu:

- Việc ô nhiễm môi trường khiến Trung Quốc buộc đóng cửa hàng loạt nhà sản xuất nguyên liệu ở nước này và làm cho nguồn nguyên liệu khan hiếm.
- Giá cả nguyên liệu tăng đột biến và không có xu hướng giảm trong thời gian gần đây, có nguyên liệu tăng hơn 60% đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc kinh doanh.
- Theo Qui định mới bắt đầu áp dụng thông tư mới của Bộ Y Tế nên việc thay đổi này cũng ảnh hưởng lớn đến việc nhập khẩu nguyên liệu.
- Nhập khẩu theo công bố của Cục Quản lý Dược cũng hạn chế nguồn nguyên liệu, nếu bổ sung nguồn sẽ mất nhiều thời gian, vì vậy vẫn còn một số nguyên liệu phải nhập từ một hoặc hai nguồn, khó thương lượng được giá cả tốt.
- Một số các nhà sản xuất trong danh sách được công bố lại khan hiếm nguyên liệu, không nhận đơn hàng.

a.3 Kinh Doanh:

- Gặp nhiều khó khăn trong vấn đề đấu thầu thuốc vào các bệnh viện vì tiêu chí giá thuốc phải thấp nhất trong phạm vi cả nước mới trúng thầu. Những mặt hàng chiến lược của công ty đa số đều không trúng thầu do giá cao hơn giá thầu.
- Sản xuất nguyên liệu kháng sinh Ampicillin và Amoxicillin ngưng trệ vì thiếu nguyên liệu đầu vào 6APA (do Trung Quốc dẹp bỏ một số nhà máy không đạt chuẩn môi trường).

Tóm lại, trong năm 2017 có rất nhiều khó khăn trong kinh doanh, doanh số xuất khẩu giảm nhiều, một số chỉ tiêu sản xuất không đạt kế hoạch.

b) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch: (heo báo cáo kiểm toán hợp nhất 2017)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2017		Thực hiện 2016	Tỉ lệ so KH	Tỉ lệ so cùng kỳ 2016
		Kế hoạch	Thực hiện			
Doanh thu	Triệu đồng	1.300.000	1.394.244	1.292.443	107,2%	107,87%
Kim ngạch XK	1.000 USD	4.000	1.849,194	3.898,843	46,23%	47,43%
Nộp ngân sách	Triệu đồng	60.000	63.963	69.932	106,61%	91,46%
Lãi thực hiện	Triệu đồng	110.000	153.224	152.402	153,20%	100,54%

c) Công tác khoa học công nghệ:

❖ **Nghiên Cứu Mặt Hàng Mới:**

Phòng Nghiên cứu phát triển đã tập trung nghiên cứu các mặt hàng mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

Tổng số hồ sơ đăng ký mới năm 2017 gồm:

- 46 mặt hàng đang nghiên cứu và chờ cấp số đăng ký.
- 16 mặt hàng đã được cấp số đăng ký.

❖ **Triển Khai Áp Dụng GMP, GLP, GSP:**

Vào năm 2016 công ty đã được Cục Quản Lý Dược tái xét GMP và công nhận tiếp tục đạt tiêu chuẩn GMP WHO.

Năm 2017 công ty tiếp tục thực hiện tốt các qui định của GMP WHO trong sản xuất kinh doanh.

❖ **Sở Hữu Công Nghiệp:**

Tổng số sản phẩm hiện đơn vị có số đăng ký sản xuất: 289 sản phẩm.

Tổng số sản phẩm đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: 239 sản phẩm.

d) Công tác phát triển thị trường:

Thị trường trong nước:

- Do công tác đấu thầu không thuận lợi nên thị trường trong nước năm nay không được phát triển tốt.
- Công ty phát triển đội ngũ Trình Dược Viên để cung ứng thuốc đến các Bệnh Viện và Nhà Thuốc tư nhân.
- Chi nhánh Mekophar tại Nghệ An tiếp tục được củng cố để phát triển hệ thống phân phối.
- Lập văn phòng đại diện tại địa điểm mới của Chi nhánh Hà Nội: Tầng 16, toà nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội.

Thị trường ngoài nước:

- Năm 2017 đã có số đăng ký ở thị trường mới là Cambodia.
- Mekophar đang tiến hành hồ sơ đăng ký sản phẩm sang thị trường mới: Sri Lanka
- Các khách hàng truyền thống như Congo, Moldova, Mông Cổ, Papua New Guinee, Nga, Mongolia, Bulgaria, Turmenistan, Tadjikistan, Belarus ổn định.
- Thị trường Nigeria giảm nhiều.
- Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu thuộc nhóm: Thuốc kháng sinh, thuốc trị sốt rét, các loại vitamin, giảm đau, hạ sốt

2. NGÂN HÀNG TẾ BÀO GỐC MEKOSTEM:

❖ **Khách hàng:**

	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện	Tỉ lệ so KH
Số lượng khách hàng	khách	1.200	1.099	91,6%
Doanh số	Tỷ đồng	70	67	95,73%

❖ **Tình hình hoạt động của ngân hàng Tế Bào Gốc MekoStem:**

- Hoàn thành bản tự đánh giá lần 2 và các tài liệu, hồ sơ như tóm tắt số tay chất lượng, master list để gửi tổ chức AABB vào 11/10/2017
- Trong năm 2017, triển khai thêm việc hợp tác với 8 Bệnh viện, nâng tổng số Bệnh viện hiện MKS hợp tác là 83 bệnh viện và là đơn vị duy nhất trong nước thu thập mẫu tại các tỉnh ngoài thành phố HCM và Hà Nội.
- Đảm bảo chất lượng thu thập và xử lý mẫu như yêu cầu đặt ra
- Đã triển khai mô hình giao dịch khách hàng *online* và bước đầu có hiệu quả
- Đã vạch ra các chính sách chất lượng, kế hoạch hoạt động khá sát với tình hình thực tế, có định hướng rõ ràng (xem gia nhập vào AABB là mục tiêu phấn đấu);
- Công tác quản lý theo hướng chuyên nghiệp hơn: con người, vị trí làm việc, chức năng nhiệm vụ, xây dựng các quá trình, quy trình, việc hợp giao ban, giám sát, đánh giá nhân viên, đào tạo, phối hợp với các bộ phận khác trong MKP...
- Nghiên cứu khoa học bước đầu đã được áp dụng và có hướng đi mới.

3. DỰ ÁN NHÀ MÁY MỚI:

❖ **Tiến độ thực hiện dự án:**

Ngày bắt đầu thi công : 19/09/2016

Ngày kết thúc theo hợp đồng: 04/09/2017

Hoàn thành và bàn giao công trình : 05/12/2017

- Lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử: 01/2018
- Thẩm định, được công nhận GMP WHO vào quý II và GMP PIC/S vào quý IV năm 2018.
- Bắt đầu hoạt động chính thức: dự kiến quý I năm 2019.

Tổng chi phí (tính đến 31/12/2017): 654.416.096.683 đồng, chi tiết như sau:

- Xây dựng cơ bản: 462.501.458.837 đồng
- Máy móc thiết bị: 187.772.890.724 đồng
- Chi phí khác: 4.141.747.122 đồng

4. CÔNG TÁC XÃ HỘI:

Công ty Mekohar thường xuyên tham gia các công tác xã hội, từ thiện:

- Ủng hộ học bổng Nguyễn Văn Hưởng.
 - Hỗ trợ tết cho cán bộ ngành Dược.
 - Thăm tặng quà cho công nhân khó khăn.
 - Ủng hộ quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” nhân ngày 27/7.
 - Hỗ trợ công tác khám chữa bệnh cho đồng bào nghèo vùng xa.
 - Hỗ trợ công tác ngày hội hiến máu nhân đạo.
 - Tham gia cứu trợ đồng bào nghèo bị bão lụt.
 - Hỗ trợ chương trình “Thắp Sáng Ước mơ, tiếp sức đến trường”.
 - Ủng hộ phong trào “Nét xanh đô thị”.
 - Hỗ trợ hoạt động từ thiện ngày 29/07/2017 tại Huyện Bình Chánh.
 - Hỗ trợ kinh phí xây cầu Gương, huyện Tuy Phước – Bình Định.
 - Tặng quà cho 479 cháu thiếu nhi, con em CNVCLĐ nhân ngày quốc tế thiếu nhi.
 - Tổ chức trại hè Thanh Đa, học bổng MEKOPHAR cho con em CNVCLĐ.
 - Hỗ trợ ngành Y Tế Khánh Hoà Trong công tác cứu trợ nạn nhân bị bão lụt.
- Tổng cộng công tác xã hội, từ thiện: **500.000.000 đồng.**

5. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**a. Các chỉ tiêu kế hoạch:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
Doanh thu	Triệu đồng	1.400.000
Kim ngạch XK	1.000 USD	3.000
Kim ngạch NK	1.000 USD	12.000
Nộp ngân sách	Triệu đồng	60.000
Lãi thực hiện (trước thuế)	Triệu đồng	110.000

b. Công tác đầu tư phát triển:

- Tiếp tục tiến hành công tác thẩm định thiết bị và quy trình sản xuất tại nhà máy mới.
- Nhận chuyển giao công nghệ và thực hiện công tác soạn thảo hồ sơ tài liệu.
- Chuẩn bị hồ sơ để nhà máy mới được xét duyệt công nhận đạt GMP WHO vào quý II năm 2018 và GMP PIC/S vào quý IV năm 2018.

c. Công tác Khoa Học Công Nghệ:

Tiếp tục nghiên cứu mặt hàng mới và hoàn tất hồ sơ đăng ký gồm:

- Thuốc viên: 13 mặt hàng
- Kháng sinh bột tiêm: 01
- Dung Dịch uống: 04
- Hỗn dịch uống: 01
- Bột pha hỗn dịch uống: 03

Triển khai sản xuất 6 mặt hàng đã có số đăng ký.

d. Công tác tài chính kế toán:

- Tìm kiếm nguồn vốn vay cho các Dự án sao cho có hiệu quả với chi phí lãi vay thấp nhất.
- Đảm bảo tính minh bạch, công khai tài chính và thực hiện tốt các chính sách thuế của nhà nước.
- Triển khai ứng dụng phần mềm kế toán mới.

e. Công tác phát triển Thị trường:

- Công ty xác định cần phát triển việc liên kết chuỗi nhà thuốc tại thành phố Hồ Chí Minh để tăng thị trường nội địa.
- Tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối đến các tỉnh thành trên cả nước góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận, thị trường sản phẩm và nâng cao thương hiệu MKP.
- Phát triển hoạt động chi nhánh Nghệ An.
- Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu thuốc đi các nước, nhất là các thị trường Nigeria, Congo, Moldova, Nga, Mông Cổ, Bulgaria.
- Tiếp tục chào giá và gửi mẫu sản phẩm đi các nước để gia tăng thị trường xuất khẩu.
- Phát triển mặt hàng Đông Dược, Thực Phẩm Chức Năng.

g. Ngân hàng tế bào gốc MekoStem:

Kế hoạch:

- Doanh thu năm 2018 là 75 tỉ đồng.
- Tiếp tục ổn định về đội ngũ và tổ chức.
- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng. Hoàn thành việc tự đánh giá theo AABB.

*** Giải pháp thực hiện:**

- 1) *Thay đổi việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch kinh doanh (khoán kinh doanh):*
 - Tổ chức việc tập huấn về phương pháp kinh doanh mới để mọi người thông về tư tưởng và chuyển đổi về hành vi.
 - Phân chia khu vực, khoán khu vực.
 - Điều chỉnh và thực hiện vấn đề về lưu trình tài chính mới.
 - Đưa vào áp dụng gói dịch vụ mới (về mô DR và lưu trữ 25, 60 năm), thực hiện bảng giá dịch vụ mới.
- 2) *Cải tiến và thành lập bộ phận kinh doanh:*

Thành lập bộ phận *sales* với từng thành viên phụ trách từng khu vực để xúc tiến giới thiệu dịch vụ đến khách hàng.

 - Điều chỉnh chính sách khuyến khích để phù hợp với kết quả kinh doanh (bác sỹ, cộng tác viên, ...).
 - Phân chia các nhóm thị trường tiềm năng.
 - Thành lập thêm và củng cố đội ngũ cộng tác viên.
 - Đẩy mạnh giao dịch khách hàng *online*, lập *fanpage* tăng cường sự ủng hộ, tiếp thu phản hồi các ý kiến từ các thành viên của trang mạng.
- 3) *Khai thác thêm các thị trường mới:* khu vực mới mà đối thủ cạnh tranh chưa hướng tới: Thái nguyên, Huế, Lâm đồng (Đà Lạt), Thanh Hóa, Quảng Bình.
- 4) *Tổ chức:*
 - Xây dựng kế hoạch di dời đến khu công nghệ cao phù hợp không ảnh hưởng đến khách hàng và hoạt động sản xuất của MKS.
 - Củng cố văn phòng Hà Nội, nghiên cứu thành lập bộ phận kinh doanh.
- 5) *Nhân sự:*
 - Nâng cao quản lý, năng lực sắp xếp công việc của ban lãnh đạo, trưởng bộ phận và toàn thể MKS.
 - Những cán bộ từ trưởng bộ phận trở lên phải đảm bảo có 2 chứng chỉ CE trong năm.
 - Tổng số nhân viên được đánh giá tốt đạt trên 90%.
- 6) *Phát triển vấn đề nghiên cứu và ứng dụng:*
 - Hoàn thành các đề tài đã đăng ký theo đúng tiến độ: đề tài nuôi cấy tế bào trong spinner flask và stemsup.
 - Đăng ký đề tài mới: đề tài sử dụng PRP để điều trị thiếu sản nội mạc tử cung và vết loét do tiểu đường.
 - Đảm bảo 2 bài báo khoa học được đăng trên website/ tháng.
 - Tổ chức sinh hoạt khoa học 1 tháng 1 lần.
 - Tiếp tục củng cố và đổi mới hoạt động của Hội Đồng Khoa Học (có cả công tác QLCL).

7) *Nâng cao chất lượng công việc:*

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy trình phù hợp với MKS và AABB.
- Tiếp tục thực hiện giám sát, tự giám sát công việc. Bổ sung việc đánh giá việc thực hiện các công việc được giao vào đánh giá thường xuyên.
- Chất lượng mẫu thu thập, xử lý và lưu trữ ngày càng được nâng cao:
- Tiếp tục nâng cao chất lượng tư vấn, đạt tỷ lệ tư vấn thành công 50% số người được tư vấn.
- Liên hệ chặt chẽ với AABB và đáp ứng các yêu cầu của AABB.

Tóm lại, năm 2017 đã có nhiều khó khăn, nhưng ban lãnh đạo và toàn thể CBNV đã nỗ lực vượt qua mọi trở ngại để hoàn thành kế hoạch.

Năm 2018 Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc và toàn thể Cán Bộ Nhân Viên sẽ tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, quyết tâm vượt khó để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch.

III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:****a. Thành viên Hội đồng quản trị:**

Năm 2017, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar hoạt động theo Quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ công ty ban hành ngày 28/04/2017, đáp ứng tốt quy định của Nhà nước về Quản trị công ty đại chúng.

Số thành viên HĐQT là 07 (bảy) thành viên, trong năm 2017 HĐQT không có sự thay đổi nhân sự

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017:

HĐQT Mekophar duy trì việc họp định kỳ hàng quý nhằm tổng kết, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh mỗi quý, trao đổi các vấn đề và định hướng kế hoạch cho quý sau, đồng thời đưa ra các quyết định kịp thời để quản trị công ty.

Trong năm 2017, HĐQT đã tiến hành 04 (bốn) phiên họp định kỳ bằng hình thức trực tiếp. Việc tổ chức các phiên họp của HĐQT đảm bảo được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự các cuộc họp và biểu quyết, cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Huỳnh Thị Lan	Chủ Tịch HĐQT	04	100%	
2	Bà Đặng Thị Kim Lan	Thành viên HĐQT	04	100%	
3	Ông Lê Anh Phương	Thành viên HĐQT	04	100%	
4	Bà Phan Thị Lan Hương	Thành viên HĐQT	04	100%	
5	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên HĐQT	04	100%	
6	Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT	04	100%	
7	Ông KAZUYA SHINOZAWA	Thành viên HĐQT	04	100%	

Các Nghị quyết HĐQT đã ban hành trong năm 2017 để Ban điều hành tổ chức thực hiện, với nội dung chi tiết như sau:

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	15/02/2017	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2016. Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2016. Thông nhất chi cổ tức năm 2016 là 23%/ cổ phần (đã tạm ứng đợt 1 là 10%, đợt 2 chi 13% sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua). Thông qua bản tổng hợp chi phí dự án nhà máy mới. Phân công Hội Đồng Quản Trị: <ul style="list-style-type: none"> Bà Huỳnh Thị Lan: Phụ trách chung – Phụ trách Tài Chính Bà Đặng Thị Kim Lan: Phụ trách khối Kỹ thuật, Công ty liên kết An Sinh. Ông Lê Anh Phương: <ul style="list-style-type: none"> Phụ trách Tổ Chức Hành Chính. Phụ trách quản lý dự án nhà máy mới.

			<ul style="list-style-type: none"> - Bà Phan Thị Lan Hương: Phụ trách Kế Hoạch Kinh Doanh. - Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh: Phụ trách Khối Sản Xuất - Ông Nguyễn Đức Thắng: Phụ trách chiến lược & đầu tư, Tư vấn về Kiểm Tra Chất Lượng. - Ông Kazuya Shinozawa: <ul style="list-style-type: none"> • Phụ trách tìm nguồn khách hàng từ Nhật Bản cho Mekophar BP. • Hỗ trợ tư vấn GMP PIC/S tại nhà máy mới. <p>6. Thống nhất ngày tổ chức ĐHĐCĐ là 28/04/2017 và ngày chốt danh sách cổ đông là 01/04/2017.</p>
2	02/NQ- HĐQT	31/03/2017	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Chương trình ĐHĐCĐ năm 2017 và Danh sách Chủ Tịch Đoàn, Thư Ký Đoàn, Ban Kiểm Phiếu. 2. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017. 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2016. 4. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm Soát. 5. Thông qua Tờ trình về tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư nước ngoài tại Mekophar. 6. Thông qua Tờ Trình: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu tổ chức Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc. - Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017. - Chi phí hoạt động của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2017. - Khen thưởng Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Kiểm Soát năm 2017 khi lợi nhuận vượt kế hoạch. 7. Thông qua Tờ trình giao quyền hợp tác kinh doanh 8. Thông qua Tờ trình bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế
3	03/NQ- HĐQT	14/07/2017	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017. 2. Thông qua báo cáo về chi phí đã sử dụng cho nhà máy mới và phương án tài chính trong 6 tháng cuối năm 2017. 3. Đồng ý gia hạn hợp đồng Dịch Vụ Lưu Trữ Và Chuyển Giao Công Nghệ đã ký với công ty CorLabs - Singapore lần đầu ngày 01/03/2008. 4. Đồng ý việc hợp tác với công ty Cord Life –Singapore trong lĩnh vực Tế Bào Gốc 5. Thông qua báo cáo về tiến độ xây dựng nhà máy mới
4	04/NQ- HĐQT	14/07/2016	<p>Thông qua danh sách các mặt hàng công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar chuyển giao cho công ty TNHH Mekophar (MKP BP), gồm 3 mặt hàng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Viên nang cứng Vitamin B1 250 mg 2. Viên bao film Cimetidin MKP 300 mg 3. Sorbitol gói 5 gam.

5	05/NQ- HĐQT	27/10/2017	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Báo Cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2017, phương hướng nhiệm vụ Quý V năm 2017. Dự kiến kế hoạch năm 2018. 2. Thông qua Báo Cáo về việc nghiệm thu xây dựng nhà máy mới và vấn đề tiến hành thẩm định. 3. Thông qua Bảng cân đối kế toán 9 tháng đầu năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh quý III của công ty TNHH MEKOPHAR. Điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Mekophar. 4. Thông qua hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng để mở L/C, bảo lãnh thầu tại các ngân hàng 5. Đồng ý góp vốn vào Công ty TNHH Orchids – Dự án Văn phòng & khách sạn tại 192 Pasteur Q.3 TP.HCM. 6. Lập văn phòng đại diện tại địa điểm mới của Chi nhánh Hà Nội: Tầng 16, toà nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội. 7. Đồng ý làm thủ tục hồ sơ kéo dài thời hạn hợp đồng thuê đất và thay đổi mục đích sử dụng đất, tại các khu đất có Hợp đồng thuê đất đến hết năm 2020. 8. Đồng ý về cơ cấu tổ chức công ty TNHH Mekophar.
---	-------------	------------	---

Các Biên bản và Nghị quyết của HĐQT đều dựa trên sự trao đổi, thống nhất cao của các thành viên, trên cơ sở lợi ích cao nhất của cổ đông cũng như các bên liên quan.

Hội Đồng Quản Trị đã tập trung chỉ đạo, hỗ trợ hoạt động của Ban Giám Đốc để thực hiện tốt nhiệm vụ mà Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2017 đã giao.

2. CÔNG TÁC GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH:

HĐQT đã giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông và các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2017 của Ban Điều hành thông qua các tình hình hoạt động như sau:

a. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2017 thị trường ngành Dược lại cạnh tranh rất khốc liệt, đặc biệt là việc đấu thầu thuốc vào Bệnh viện đã khiến công ty gặp phải không ít khó khăn, trở ngại.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 đã nói lên sự nỗ lực của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và tập thể CBNV công ty Mekophar. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, đảm bảo quyền lợi cổ đông, tạo việc làm ổn định và thu nhập ngày càng nâng cao cho người lao động.

Trên cơ sở chỉ đạo, giám sát và tạo điều kiện của Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar đã hoàn thành tốt nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2017 về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2017		Tỉ lệ so KH
		Kế hoạch	Thực hiện	
Tổng doanh thu thuần	Triệu đồng	1.300.000	1.394.244	107,2%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	110.000	153.224	153,2%
Cổ tức	%	18%	Dự kiến 20% bằng tiền mặt	111%

b. Thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông:

Hội Đồng Quản Trị đã cùng Ban Tổng Giám Đốc triển khai các giải pháp khắc phục các khó khăn để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2017.

- Giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2017. Tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng với các lãnh đạo các Phòng Ban, Phân Xưởng để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp.
- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 28/04/2017 thành công tốt đẹp.
- Thực hiện xong chi trả cổ tức năm 2016 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Hội Đồng Quản Trị đã chỉ đạo và đôn đốc, giám sát việc xây dựng nhà máy mới sản xuất Thuốc Non Beta Lactam và Ngân Hàng Tế Bào Gốc tại Khu Công Nghệ cao TP.HCM. Hiện nay công trình đã hoàn thành và đang trong giai đoạn thẩm định, nghiệm thu nhà xưởng, thiết bị và các hệ thống phụ trợ.
- Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của công ty Mekophar lên sàn UPCOM và đã được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận theo quyết định số 1072 QĐ-SGDHN ngày 29/12/2017.

c. Tình Hình Đầu Tư Tài Chính:

• **Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết:**

- Đầu tư vào Công ty TNHH Mekophar 700 tỷ đồng là công ty con được thành lập từ Dự án xây nhà máy mới tại Khu công nghệ cao - Quận 9.
- Đầu tư vào Công ty TNHH Bệnh viện TN Đa khoa An Sinh 18,5 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ vốn góp 22%), năm 2017 đã nhận được 9,5 tỷ đồng cổ tức.
- Đầu tư vào Công ty TNHH TM Dịch vụ - Dự lịch Orchids 5,55 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ vốn góp 15%) để xây dựng khách sạn tại 192 Pasteur – Quận 3.

• **Đầu tư tài chính ngắn hạn:**

Đầu tư chứng khoán kinh doanh như sau:

Stt	Tên công ty	Trị giá (VNĐ)
1	Công Ty CP DPTW VIDIPHAR	4.070.000.000
2	Công Ty CP DP OPC	241.461.100
3	CTy CP Bao Bi Dược	6.635.250.000
	Tổng Cộng	10.946.711.100

Cổ tức nhận được từ đầu tư chứng khoán năm 2017 là: **1.342.758.000 đồng**

2. BÁO CÁO CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BKS NĂM 2017:

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar, Hội Đồng Quản Trị báo cáo chi phí hoạt động của HĐQT Công Ty như sau:

- Tổng doanh thu sản xuất chính: 758.768.092.278 đồng
- Chi phí được trích (0,2%/ Doanh thu): 1.517.536.185 đồng
- Số thực chi: 1.517.536.185 đồng
- Chi phí thừa: 0 đồng

3. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018:**a. Các chỉ tiêu kế hoạch:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018
Doanh thu	Triệu đồng	1.400.000
Lãi thực hiện	Triệu đồng	110.000
Cổ tức	%	15%

Lãi thực hiện không tăng vì nhà máy mới xây dựng đang trong giai đoạn thâm định, chạy không tải máy móc thiết bị, chưa sản xuất được sản phẩm.

b. Các hoạt động

Năm 2018 được dự báo là một năm tiếp tục khó khăn của kinh tế Việt Nam, cũng như với ngành Dược và Công ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar.

Hội Đồng Quản Trị xác định chủ trương hướng hoạt động vào một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Thông qua các chủ trương, chính sách của công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Giám Đốc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Tập trung phát triển các mặt hàng mới, chủ lực và tiềm năng, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm bảo đảm thẩm mỹ, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh của thị trường.
- Tập trung các giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao lợi nhuận, như xây dựng kế hoạch tài chính, đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến, cải tiến qui trình công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí trong sản xuất
- Tiếp tục công tác hoàn thiện việc xây dựng nhà máy mới tại khu công nghệ cao TP.HCM. Dự kiến quý I năm 2019 sẽ sản xuất thuốc xuất khẩu sang Nhật sau khi được duyệt xét GMP WHO, GMP PIC/S.
- Phát triển kế hoạch hợp tác với các Công Ty Dược nước ngoài sản xuất kinh doanh các mặt hàng đòi hỏi công nghệ cao, các mặt hàng đặc trị.
- Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm sang các nước khác.
- Tiếp tục mở rộng hoạt động Ngân hàng Tế Bào Gốc (MekoStem) trên khắp lãnh thổ Việt Nam.
- Liên kết với các Bệnh Viện xúc tiến việc thực hiện ứng dụng Tế Bào Gốc trong điều trị.
- Tiếp tục xúc tiến dự án về đất đai tại lô đất 297/5 Lý Thường Kiệt - Quận 11 và tại 620 Kinh Dương Vương - Quận Bình Tân, tìm kiếm đối tác tin cậy, có tiềm lực về tài chính để liên kết kinh doanh.
- Năm 2018 sẽ thực hiện dự án xây dựng cao ốc văn phòng tại địa điểm Số 17-27 đường 281, Lý Thường Kiệt, Phường 15, quận 11, TP.HCM và tiếp tục dự án giai đoạn 2 tại Khu Công Nghệ Cao Q 9, xây dựng dây chuyền sản xuất Dịch Truyền và dây chuyền sản xuất thuốc uống thuộc nhóm Beta lactam.

IV. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện những hoạt động sau:

- Giám sát việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017, và các nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT).
- Kiểm tra Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT.
- Giám sát tình hình đầu tư xây dựng Nhà máy mới tại Khu công nghệ cao, và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2017**a. Kế hoạch kinh doanh năm 2017**

Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2017 mà Đại hội đồng cổ đông đã giao, cụ thể:

- Doanh thu năm 2017 đạt 1.394 tỷ đồng, tăng 7,88% so với năm 2016, và vượt 7,25% so với kế hoạch năm 2017.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 153,22 tỷ đồng vượt 39,29% so với kế hoạch, và tăng nhẹ so với thực hiện năm 2016.

Bảng 01: Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2017

- Đơn vị tính: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2016	Năm 2017		So sánh TH 2016 với:	
		KH 2017	TH 2017	2016	KH 2017
1. Doanh thu thuần	1.292.443.218	1.300.000.000	1.394.244.196	107,88%	107,25%
- Doanh thu BH và CCDV	1.261.740.003		1.366.680.619	108,32%	
2. Giá vốn hàng bán	994.701.735		1.054.688.035	106,03%	
3. Lợi nhuận gộp BH và CCDV	267.038.268		311.992.584	116,83%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	29.437.509		26.235.884	89,12%	
5. Chi phí tài chính	1.106.611		1.106.611	100,00%	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	-		158.667		
6. Lãi lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	15.469.734		6.286.491		
7. Chi phí bán hàng	63.771.322		73.413.683	115,12%	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	95.810.535		117.622.528	122,77%	
9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	151.257.043		152.276.653	100,67%	
10. Thu nhập khác	1.265.706		1.327.693	104,90%	
11. Chi phí khác	120.326		379.988		
12. Lợi nhuận khác	1.145.380		947.705	82,74%	
13. Tổng lợi nhuận trước thuế	152.402.423	110.000.000	153.224.358	100,54%	

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2017

b. Chọn Công ty kiểm toán

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, trong kỳ Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp.HCM (AISC) tiếp tục làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2017 của Công ty.

c. Chi trả cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/04/2017 đã thông qua mức chi trả cổ tức cho năm tài chính 2016 là 23% bằng tiền mặt, trong đó.

- Hội đồng quản trị đã tạm ứng 10% vào tháng 11 năm 2016.
- Phần còn lại 13% đã được Hội đồng quản trị thực hiện chi trả vào ngày 09/6/2017

d. Thực hiện dự án đầu tư nghiên cứu và phát triển sản xuất Sinh - Dược phẩm Mekophar

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tăng vốn cho Công ty TNHH Mekophar (Mekophar BP) lên 700 tỷ đồng để triển khai dự án “Đầu tư nghiên cứu và phát triển sản xuất Sinh - Dược phẩm Mekophar”.
- Công tác đầu tư xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị được Công ty triển khai thực hiện đúng tiến độ đề ra (hoàn thành cuối năm 2017).
- Về vốn đầu tư giải ngân: tính đến thời điểm hiện nay, tổng vốn đầu tư đã giải ngân cho dự án Nhà máy mới (Giai đoạn 1) là 654,4 tỷ đồng. Chi tiết như sau:
 - Xây dựng cơ bản: 462,5 tỷ đồng.
 - Máy móc thiết bị: 187,8 tỷ đồng.
 - Khác: 4,1 tỷ đồng.

3. KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH 31/12/2017

Theo ý kiến của Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã thực hiện đúng theo hướng dẫn về chế độ kế toán, phù hợp với các quy định hiện hành, đồng thời phản ánh trung thực, hợp lý các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017.

a. Tình hình tài sản cuối kỳ*Bảng 02: Tình hình tài sản 31/12/2017**Đơn vị tính: ngàn đồng*

CHỈ TIÊU	31/12/2016		31/12/2017		Tăng giảm
	Giá trị	%	Giá trị	%	
TỔNG TÀI SẢN	1.149.653.948	100,00%	1.300.617.982	100,00%	150.964.034
I. Tài sản ngắn hạn	923.454.145	80,32%	630.337.699	48,46%	-293.116.446
1. Tiền	230.410.065	20,04%	40.032.395	3,08%	-190.377.670
2. Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	170.946.711	14,87%	10.946.711	0,84%	-160.000.000
- Chứng khoán kinh doanh	10.946.711	0,95%	10.946.711	0,84%	0
- Dự phòng đầu tư chứng khoán	0	0,00%	0	0,00%	0
- Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	160.000.000	13,92%	0	0,00%	-160.000.000
3. Các khoản phải thu	300.907.917	26,17%	292.429.528	22,48%	-8.478.389
- Phải thu khách hàng	150.269.075	13,07%	169.327.487	13,02%	19.058.412
- Trả trước cho người bán	149.414.502	13,00%	122.232.724	9,40%	-27.181.778
- Các khoản phải thu khác	1.224.340	0,11%	869.317	0,07%	-355.023
- Dự phòng phải thu khó đòi	0		0		
4. Hàng tồn kho	209.547.773	18,23%	221.030.627	16,99%	11.482.854
5. Tài sản ngắn hạn khác	11.641.679	1,01%	65.898.438	5,07%	54.256.759
- Chi phí trả trước ngắn hạn	1.287.897	0,11%	975.385	0,07%	-312.512
- Thuế GTGT được khấu trừ	9.587.129	0,83%	64.362.138	4,95%	54.775.009
- Thuế & các khoản phải thu NN	766.653	0,07%	560.915	0,04%	-205.738
- Tài sản ngắn hạn khác	0	0,00%	0	0,00%	0
II. Tài sản dài hạn	226.199.803	19,68%	670.280.283	51,54%	444.080.480
1. Các khoản phải thu DH		0,00%		0,00%	0
2. Tài sản cố định	70.598.001	6,14%	60.780.344	4,67%	-9.817.657
- TSCĐ hữu hình	63.159.849	5,49%	53.288.859	4,10%	-9.870.990
- TSCĐ thuê tài chính	0	0,00%	0	0,00%	0
- TSCĐ vô hình	7.438.152	0,65%	7.491.485	0,58%	53.333
3. Bất động sản đầu tư					
4. Tài sản dở dang dài hạn	98.111.567	8,53%	557.197.627	42,84%	459.086.060
5. Đầu tư tài chính dài hạn	57.490.235	5,00%	48.306.992	3,71%	-9.183.243
- Đầu tư vào công ty con	0	0,00%	0	0,00%	0
- Đầu tư vào công ty LD, liên kết	33.979.735	2,96%	24.796.492	1,91%	-9.183.243
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23.510.500	2,05%	23.510.500	1,81%	0
- Dự phòng đầu tư TC dài hạn	0	0,00%	0	0,00%	0
6. Tài sản dài hạn khác	0	0,00%	3.995.320	0,31%	3.995.320
- Chi phí trả trước dài hạn	0	0,00%	3.995.320	0,31%	3.995.320

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2017

Khảo sát sự tăng giảm tài sản trong kỳ, chúng tôi nhận thấy so với đầu năm 2017 tổng tài sản cuối kỳ tăng 150,9 tỷ đồng, sự biến động tăng tài sản trong kỳ chủ yếu do các nhân tố sau đây:

- Tài sản ngắn hạn giảm 293,1 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu là giảm tiền và các khoản tương đương tiền (350 tỷ đồng) để tăng vốn cho Công ty con Mekophar BP để đầu tư Nhà máy mới, và tăng khoản mục thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (khoảng 55 tỷ đồng).
- Tài sản dài hạn tăng 444 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu là tăng khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án Nhà máy mới (459 tỷ đồng)

b. Tình hình nguồn vốn cuối kỳ

Bảng 03: Tình hình nguồn vốn 31/12/2017

Đơn vị tính: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2016		31/12/2017		Tăng giảm
	Giá trị	%	Giá trị	%	
TỔNG NGUỒN VỐN	1.149.653.948	100,00%	1.300.617.982	100,00%	150.964.034
I. Nợ phải trả	170.720.778	14,85%	259.145.992	19,92%	88.425.214
1. Nợ ngắn hạn	102.348.101	8,90%	153.769.659	11,82%	51.421.558
- Vay và nợ ngắn hạn	0		0		0
- Phải trả người bán	45.027.181	3,92%	58.136.416	4,47%	13.109.235
- Người mua trả trước	9.276.664	0,81%	11.830.010	0,91%	2.553.346
- Thuế và các khoản phải nộp NN	4.152.195	0,36%	14.344.364	1,10%	10.192.169
- Phải trả Người lao động	13.980.992	1,22%	15.518.561	1,19%	1.537.569
- Chi phí phải trả ngắn hạn	0		23.277.800	1,79%	23.277.800
- Phải trả nội bộ ngắn hạn	0		0	0,00%	0
- Phải trả theo tiến độ KHHĐXD	0		0	0,00%	0
- Phải trả ngắn hạn khác	7.482.079	0,65%	7.292.236	0,56%	-189.843
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	0		0	0,00%	0
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.428.990	1,95%	23.370.272	1,80%	941.282
2. Nợ dài hạn	68.372.677	5,95%	105.376.333	8,10%	37.003.656
- Phải trả người bán dài hạn	0		0	0,00%	0
- Người mua trả tiền trước dài hạn	0		0	0,00%	0
- Chi phí phải trả dài hạn	0		0	0,00%	0
- Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	0		0	0,00%	0
- Phải trả nội bộ dài hạn	0		0	0,00%	0
- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	38.372.677	3,34%	55.376.333	4,26%	17.003.656
- Dự phòng phải trả dài hạn	30.000.000	2,61%	30.000.000	2,31%	0
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0,00%	20.000.000	1,54%	20.000.000
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	978.933.170	85,15%	1.041.471.990	80,08%	62.538.820
1. Vốn chủ sở hữu	978.805.249	85,14%	1.041.471.990	80,08%	62.666.741
- Vốn góp của chủ sở hữu	194.208.130	16,89%	194.208.130	14,93%	0
- Thặng dư vốn cổ phần	295.058.504	25,66%	295.058.504	22,69%	0
- Cổ phiếu quỹ	-14.487.151	-1,26%	-14.487.151	-1,11%	0
- Quỹ đầu tư phát triển	403.510.093	35,10%	448.083.059	34,45%	44.572.966
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0,00%	0	0,00%	0
- LN sau thuế chưa phân phối	100.515.673	8,74%	118.609.448	9,12%	18.093.775
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	127.920	0,01%	0	0,00%	-127.920
- Nguồn kinh phí	127.920	0,01%	0	0,00%	-127.920

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2017

So với đầu năm 2017, tổng nguồn vốn cuối kỳ cũng tăng tương ứng 150,9 tỷ đồng, sự biến động tăng nguồn vốn trong kỳ chủ yếu do các nhân tố sau đây:

- Nợ phải trả tăng 88,4 tỷ đồng. Trong đó, Nợ ngắn hạn tăng 51,4 tỷ đồng, và Nợ dài hạn tăng 37 tỷ đồng (gồm 17 tỷ doanh thu chưa thực hiện dịch vụ ngân hàng tề bào gốc, và 20 tỷ vay dài hạn Ngân hàng Ngoại Thương).
- Nguồn vốn chủ sở hữu tăng 64,4 tỷ đồng. Trong kỳ Công ty không có phát hành cổ phiếu để tăng vốn, nên khoảng tăng chủ yếu là Lợi nhuận giữ lại.

c. Tình hình đầu tư tại doanh nghiệp

- Đầu tư tài sản cố định:

Năm 2017, Công ty đầu tư tăng tài sản cố định hữu hình 3,5 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư máy móc thiết bị: 1 tỷ đồng.
- Phương tiện vận tải: 1,5 tỷ đồng.
- Tài sản cố định khác: 1 tỷ đồng.

Bảng 04: Tình hình tài sản cố định 31/12/2017

Đơn vị tính: ngàn đồng

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Giá trị 31/12/2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị 31/12/2017
Tài sản cố định	70.598.001	-9.817.657	0	60.780.344
1. Tài sản cố định hữu hình	63.159.849	-9.870.990	0	53.288.859
+ Nguyên giá	238.838.472	3.587.853	141.799	242.284.528
+ Hao mòn TSCĐ hữu hình	-175.678.623	-13.458.843	-141.799	-188.995.669
2. Tài sản cố định vô hình	7.438.152	53.333	0	7.491.485
+ Nguyên giá	10.066.451	80.000	0	10.146.451
+ Hao mòn TSCĐ hữu hình	-2.628.299	-26.667	0	-2.654.966

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2017

- Tài sản dở dang dài hạn:

Tài sản dở dang dài hạn trong năm 2017 tăng thêm 459 tỷ đồng, chủ yếu vẫn là tiếp tục giải ngân cho dự án Nhà máy mới và Phần mềm kế toán, chi tiết như sau:

- Xây dựng Nhà máy mới: 357 tỷ đồng.
- Phần mềm kế toán mới: 0,1 tỷ đồng.
- Mua sắm Tài sản cố định: 101,9 tỷ đồng.

Bảng 05: Tình hình tài sản dở dang dài hạn 31/12/2017

Đơn vị tính: ngàn đồng

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN DÀI HẠN DỞ DANG	Giá trị 31/12/2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị 31/12/2017
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	98.111.567	459.086.060	0	557.197.627

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2017

- Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Trong kỳ, ngoài việc tăng vốn tại Công ty con từ 400 lên 700 tỷ đồng, Công ty không tăng đầu tư thêm ra bên ngoài.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Vidipha, OPC và Bao bì Dược), và khoản đầu tư vào Công ty liên kết (tỷ lệ 22%) là Bệnh Viện An Sinh vẫn duy trì mức tỷ suất lợi nhuận trên vốn khá tốt. Năm 2017, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư này trong năm 2017 lần lượt là 1,3 tỷ đồng, và 9,5 tỷ đồng

Bảng 06: Tình hình đầu tư ra ngoài 31/12/2017

Đơn vị tính: ngàn đồng

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ	Giá trị 31/12/2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị 31/12/2017
A. Tài sản cố định	70.598.001	-9.817.657	0	60.780.344
1. Tài sản cố định hữu hình	63.159.849	-9.870.990	0	53.288.859
+ Nguyên giá	238.838.472	3.587.853	141.799	242.284.528
+ Hao mòn TSCĐ hữu hình	-175.678.623	-13.458.843	-141.799	-188.995.669
2. Tài sản cố định vô hình	7.438.152	53.333	0	7.491.485
+ Nguyên giá	10.066.451	80.000	0	10.146.451
+ Hao mòn TSCĐ hữu hình	-2.628.299	-26.667	0	-2.654.966
B. Tài sản dở dang dài hạn	98.111.567	459.086.060	0	557.197.627
C. Đầu tư	612.967.211	276.405.364	160.000.000	729.372.575
1. Đầu tư ngắn hạn	170.946.711	0	160.000.000	10.946.711
a. Chứng khoán kinh doanh	10.946.711	0	0	10.946.711
- CTCP DPTƯ Vidipha	4,070,000	0	0	4.070.000
- CTCP Bao bì Dược	6.635.250	0	0	6.635.250
- CTCP Dược phẩm OPC	241.461		0	241.461
b. Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng	160.000.000	0	160.000.000	0
- Tiền gửi Ngân hàng	160.000.000	0	160.000.000	0
2. Đầu tư dài hạn	442.020.500	276.405.364	0	718.425.864
a. Đầu tư vào Công ty con	400.000.000	300.000.000	0	700.000.000
- Mekophar BP	400.000.000	300.000.000	0	700.000.000
b. Đầu tư liên doanh, liên kết	18.510.000	0	0	18.510.000
- Bệnh viện An Sinh (*)	18.510.000	0	0	18.510.000
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23.510.500	0	0	23.510.500
- CT TNHH MTV BĐS Areco	17.960.500	0	0	17.960.500
- Công ty TNHH Orchids	5.550.000			5.550.000
d. Dự phòng đầu tư dài hạn	0	-23.594.636	0	-23.594.636

Nguồn: Báo cáo kiểm toán công ty mẹ 2017

(*) Khoản đầu tư liên kết vào Bệnh viện An Sinh:

- Giá trị gốc khoản đầu tư: 18.510.000.000 đồng.
- Giá trị vốn chủ sở hữu khoản đầu tư cuối năm: 24.796.491.380 đồng.

d. Tình hình doanh thu, chi phí

d.1 Doanh thu: Chiếm tỷ trọng cao trong Tổng doanh thu năm 2017 vẫn là Doanh thu Thành phẩm và Doanh thu Bán hàng hóa (trên 92%). Ngoại trừ Doanh thu Tế bào gốc, và Doanh thu tài chính giảm so với năm 2016, các mảng Doanh thu còn lại đều có sự tăng trưởng so với năm 2016.

Bảng 07: Cơ cấu doanh thu năm 2017

Đơn vị tính: ngàn đồng

Doanh thu	2016		2017		2017/2016
DTBH và CCDV	1.261.740.003	97,62%	1.366.680.618	98,02%	108,32%
Thành phẩm	648.502.175	50,18%	707.811.720	50,77%	109,15%
Bán hàng hóa	544.500.667	42,13%	589.654.578	42,29%	108,29%
Dịch vụ NH Tế bào gốc	55.272.689	4,28%	50.956.273	3,65%	92,19%
Bán vật tư	10.177.199	0,79%	10.360.593	0,74%	101,80%
Cho thuê mặt bằng	3.287.273	0,25%	7.897.455	0,57%	240,24%
DT tài chính	29.437.509	2,28%	26.235.884	1,88%	89,12%
DT khác	1.265.706	0,10%	1.327.693	0,10%	104,90%
Tổng cộng	1.292.443.218	100,00%	1.394.244.195	100,00%	107,88%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2017

d.2 Chi phí:

Tỷ trọng Tổng chi phí trên Tổng doanh thu năm 2017 đạt mức 89,43%, tăng nhẹ 0,03% so với năm 2016. Trong đó:

- Giá vốn hàng bán trên Tổng doanh thu là 75,65%, giảm 1,32% so với năm 2016.
- Chi phí bán hàng trên Tổng doanh thu là 5,27%, tăng 0,33% so với năm 2016.
- Chi phí quản lý DN trên Tổng doanh thu là 8,44%, tăng 1,02% so với năm 2016.
- Chi phí tài chính trên Tổng doanh thu duy trì 0,09%.

Bảng 08: Tình hình chi phí năm 2017

Đơn vị tính: phần trăm Doanh thu thuần

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2017-2016
Giá vốn hàng bán	75,80%	76,96%	75,65%	- 1,32%
Chi phí bán hàng	5,42%	4,93%	5,27%	0,33%
Chi phí quản lý DN	6,63%	7,41%	8,44%	1,02%
Chi phí tài chính	-0,11%	0,09%	0,09%	0,00%
Tổng cộng	87,74%	89,40%	89,43%	0,03%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2017

e. Các chỉ tiêu tài chính

Năm 2017, hệ số nợ có tăng so với năm 2016 nhưng không đáng kể. Mức độ tự chủ về tài chính của Công ty vẫn ở mức khá cao.

Khả năng thanh toán của doanh nghiệp rất tốt với hệ số lớn hơn 1 khá nhiều.

Các chỉ tiêu về hoạt động vẫn được duy trì khá tốt.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời giảm nhẹ so với năm 2016.

Bảng 09: Các chỉ tiêu tài chính 31/12/2017

Chỉ tiêu	2016	2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	9,02	4,10	lần
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	6,98	2,66	lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản:	0,15	0,20	lần
- Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản:	0,85	0,80	lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản	1,10	1,05	vòng
- Vòng quay tài sản cố định	17,87	22,49	vòng
- Vòng quay vốn lưu động	1,37	2,17	vòng
- Vòng quay các khoản phải thu	4,19	4,67	vòng
- Vòng quay các khoản phải trả	12,33	8,89	vòng
- Vòng quay hàng tồn kho: GVHB/Hàng tồn kho bình quân	4,51	4,90	vòng
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	9,48	8,38	%
- Hệ số LNST/Tổng tài sản	10,41	8,81	%
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	12,22	11,00	%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	11,99	11,14	%
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG:10.000d/CP)			
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (LNST/Số cp lưu hành)	6.251	5.984	đồng
- Giá trị sổ sách một cổ phần	50.742	54.013	đồng

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2017)

4. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Năm tài chính 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp và ban hành 05 Nghị quyết, quyết định để chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm phù hợp với quy định pháp luật và công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ chủ trương quyết định của Hội đồng quản trị, đồng thời tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, các Quy chế quản trị trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy mới giai đoạn 1 là mục tiêu trọng tâm của Công ty trong năm 2017 được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tập trung chỉ đạo, và tổ chức thực hiện đúng kế hoạch đề ra.

5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2017, Ban kiểm soát tiếp tục được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban, bộ phận chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như trong việc thu thập thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Trong kỳ Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư yêu cầu hay khiếu nại nào từ cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Công tác công bố thông tin của Công ty được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định.

6. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2017, tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm ngày càng tăng trong khi Công ty phải tập trung nguồn lực để hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, lắp đặt máy móc thiết bị cho Nhà máy mới nhưng Công ty vẫn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông giao.

Qua xem xét, đánh giá, và giám sát tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2017, Ban kiểm soát xin có một số nội dung kiến nghị và lưu ý như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cần xem xét và có giải pháp cho hoạt động bán hàng để giữ vững thị trường trong nước và xuất khẩu trong tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay và thời gian sắp tới khi Chính phủ dần mở cửa ngành dược.
- Công tác đầu tư Nhà máy mới giai đoạn 1 cơ bản đã hoàn tất. Công tác chạy thử nghiệm và xin đăng ký giấy phép sản xuất theo tiêu chuẩn PICs dự kiến mất khá nhiều thời gian, đề nghị Ban điều hành tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện để Nhà máy kịp đưa vào vận hành đảm bảo kế hoạch đề ra là quý I năm 2019.
- Phần mềm quản lý doanh nghiệp đã được đầu tư khá lâu nhưng vẫn chưa nghiệm thu và đưa vào sử dụng để hỗ trợ công tác quản lý, điều hành.
- Dịch vụ Ngân hàng tế bào gốc là mảng hoạt động có lợi nhuận biên khá cao nhưng hiện nay mảng hoạt động này cũng đang gặp sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các đối thủ làm cho số lượng khách hàng, và doanh thu năm 2017 giảm so với năm 2016.
- Năm 2018, Ban điều hành cần cân nhắc thoái vốn một số khoản đầu tư ra bên ngoài để bổ sung vốn hoạt động cho Công ty. Bên cạnh đó, Ban điều hành cũng xem xét để sớm chuẩn bị nguồn vốn tài trợ cho việc triển khai giai đoạn 2 của dự án Nhà máy mới.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" đến các dữ liệu tương ứng, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar** tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xem Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017 tại Phụ lục đính kèm.

- Phụ lục 1: Bảng cân đối kế toán.
- Phụ lục 2: Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Phụ lục 3: Lưu chuyển tiền tệ, đã được kiểm toán.
- Phụ lục 4: Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Tp.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2018

**Xác nhận của đại diện
theo pháp luật của Công ty**



TỔNG GIÁM ĐỐC

DS. Huỳnh Thị Lan

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		630.337.698.727	923.454.144.991
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.032.394.890	230.410.064.538
1.	Tiền	111		40.032.394.890	55.410.064.538
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	175.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	10.946.711.100	170.946.711.100
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		10.946.711.100	10.946.711.100
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán KD	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	160.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		292.429.528.204	300.907.917.287
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	169.327.487.404	150.269.075.026
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	122.232.724.080	149.414.501.757
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	869.316.720	1.224.340.504
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.6	221.030.626.737	209.547.773.156
1.	Hàng tồn kho	141		221.030.626.737	209.547.773.156
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		65.898.437.796	11.641.678.910
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	975.385.213	1.287.896.570
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		64.362.137.565	9.587.129.097
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	560.915.018	766.653.243
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		670.280.283.371	226.199.803.342
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		60.780.344.188	70.598.001.405
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	53.288.858.852	63.159.849.405
	- Nguyên giá	222		242.284.527.702	238.838.472.817
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(188.995.668.850)	(175.678.623.412)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	7.491.485.336	7.438.152.000
	- Nguyên giá	228		10.146.451.139	10.066.451.139
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.654.965.803)	(2.628.299.139)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	557.197.627.409	98.111.567.308
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		557.197.627.409	98.111.567.308
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	48.306.991.380	57.490.234.629
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.796.491.380	33.979.734.629
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.510.500.000	23.510.500.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.995.320.394	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.995.320.394	-
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.300.617.982.098	1.149.653.948.333

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		259.145.991.519	170.720.777.860
I.	Nợ ngắn hạn	310		153.769.658.847	102.348.100.994
1.	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	58.136.416.053	45.027.181.129
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	11.830.010.281	9.276.664.445
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	14.334.364.170	4.152.194.663
4.	Phải trả người lao động	314		15.518.560.759	13.980.991.904
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	23.277.800.000	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	7.292.235.728	7.482.078.739
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.370.271.856	22.428.990.114
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		105.376.332.672	68.372.676.866
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	55.376.332.672	38.372.676.866
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	20.000.000.000	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.16	30.000.000.000	30.000.000.000
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.041.471.990.579	978.933.170.473
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.19	1.041.471.990.579	978.805.250.183
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		194.208.130.000	194.208.130.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		194.208.130.000	194.208.130.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		295.058.504.458	295.058.504.458
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		(14.487.151.158)	(14.487.151.158)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		448.083.058.734	403.510.093.275
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.609.448.545	100.515.673.608
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.050.162.024	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		114.559.286.521	100.515.673.608
12.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	127.920.290
1.	Nguồn kinh phí	431	V.20	-	127.920.290
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.300.617.982.098	1.149.653.948.333

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.367.105.627.691	1.261.965.135.821
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	425.009.354	225.132.880
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.366.680.618.337	1.261.740.002.941
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.054.688.035.319	994.701.735.568
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		311.992.583.018	267.038.267.373
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	26.235.884.301	29.437.509.402
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	1.202.094.473	1.106.611.124
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>158.666.667</i>	-
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	25		6.286.491.380	15.469.734.629
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.7	73.413.683.311	63.771.322.173
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	117.622.527.938	95.810.535.052
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		152.276.652.977	151.257.043.055
12.	Thu nhập khác	31	VI.8	1.327.692.904	1.265.706.056
13.	Chi phí khác	32	VI.9	379.987.669	120.325.784
14.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		947.705.235	1.145.380.272
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		153.224.358.212	152.402.423.327
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	38.665.071.691	32.726.042.213
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		114.559.286.521	119.658.840.608

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		153.224.358.212	152.402.423.327
2.	Điều chỉnh cho các khoản :				
	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8 &9	13.485.509.9547	14.275.134.467
	- Các khoản dự phòng	03			
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		92.980.509	(569.484.688)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32.134.706.052)	(44.018.679.201)
	- Chi phí lãi vay	06		158.666.667	
	- Các khoản điều chỉnh khác	07		(106.920.290)	
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		134.719.889.000	122.089.393.905
	- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(46.090.881.160)	(173.518.216.095)
	- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(11.482.853.581)	21.602.249.539
	- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		57.166.580.411	14.281.378.049
	- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(3.682.809.037)	(1.196.604.099)
	- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13			(1.482.750.000)
	- Tiền lãi vay đã trả	14		(158.666.667)	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(29.155.778.998)	(31.260.319.523)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10.645.412.654)	(10.261.903.572)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		90.670.067.314	(59.746.771.796)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	V.11	(462.011.023.913)	(95.249.064.620)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	VI.9	27.272.727	18.454.543
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		160.000.000.000	130.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.000.000.000
7.	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.5	25.820.941.945	28.530.490.029
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(276.162.809.241)	64.299.879.952

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	181.902.800.000
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	V.17	20.000.000.000	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.886.117.100)	(48.834.701.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.886.117.100)	133.068.099.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(190.378.859.027)	137.621.207.156
	Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60		230.410.064.538	92.788.491.782
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.189.379	365.600
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	40.032.394.8901	230.410.064.538

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I.ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.Thành lập:

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2002, Số ĐKKD: 4103000833, thay đổi lần thứ 17 ngày 27 tháng 10 năm 2016 vốn điều lệ 194.208.130.000 đồng. (vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2017: 194.208.130.000 đồng).

- Tên tiếng anh: Mekophar Chemical Pharmaceutical Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Mekophar
- Trụ sở chính: 297/5 Lý thường Kiệt, Quận 11, Tp.HCM.

Công ty có các chi nhánh như sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội: B26-B28-TT17 khu đô thị Văn Quán -Yên Phúc, P.Phúc La, Q.Hà Đông, TP. Hà Nội
- Chi nhánh tại Nghệ An: 11A4 Đặng Thái Thân, P.Cửa Nam, Tp.Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 410 Nguyễn Tri Phương, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Chi nhánh tại Cần Thơ: 17A Cách Mạng Tháng Tám, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty: Sản xuất thuốc. Bán buôn thuốc. Bán buôn nước hoa. Hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn dụng cụ y tế. Dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc. Bán lẻ thuốc. Sản xuất bao bì dùng trong ngành dược (chai nhựa, hộp giấy, thùng carton). Sản xuất hàng thực phẩm công nghệ (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống). Bán buôn thực phẩm chức năng; thực phẩm công nghệ chế biến. Sản xuất mỹ phẩm (không sản xuất hóa chất cơ bản, xà phòng, chất tẩy rửa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản; dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng; cho thuê căn hộ. Bán buôn hàng may mặc. Sản xuất nước tinh khiết đóng chai. Bán buôn đồ uống. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh. Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán, tài chính, pháp lý). Tư vấn chuyển giao công nghệ. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản).

4.Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12

5.Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất: Không có

6.Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017: 779 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2016: 780 nhân viên)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

7.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Mekophar Trụ sở: LôI-9-5, Đường D2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm sinh học, thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, ... và hoạt động ngân hàng tế bào gốc	100%	100%	100%

7.2. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An Sinh 10 Trần Huy Liệu, Phường 12, Phú Nhuận, TP. HCM	Khám chữa bệnh	22%	22%	22%

7.3. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên Chi nhánh/Cửa hàng và địa chỉ:

Chi nhánh tại Hà Nội: B26-B28-TT17 khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, P.Phúc La, Q.Hà Đông, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại Nghệ An: 11A4 Đặng Thái Thân, P.Cửa Nam, Tp.Vinh, Tỉnh Nghệ An

Chi nhánh tại Đà Nẵng: 410 Nguyễn Tri Phương, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Chi nhánh tại Cần Thơ: 17A Cách Mạng Tháng Tám, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán:

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định cho việc ghi nhận giá trị các tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các khoản mục doanh thu và chi phí trong kỳ.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar ("Công ty") và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa Công ty con và Công ty Cổ phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

-Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2017: 22.665 VND/USD; 27.003 VND/EUR

-Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2017: 22.735 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết, liên doanh sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

- + Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất thực hiện.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

8.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

8.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình hình thành từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị, nguyên giá tài sản cố định vô hình là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

8.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	25 năm
Bản quyền sử dụng tế bào gốc	3 năm

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả của Công ty là khoản Ban Tổng Giám đốc dự phòng để chi cho các công trình nghiên cứu khoa học. Giá trị dự phòng tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh từng năm của Công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

14. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được

quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái)

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của công ty là: 20%.

Công ty đã được Cơ quan Thuế thanh tra quyết toán trong năm 2017 cho năm tài chính 2016.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định

theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

22. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2017	01/01/2017
Tiền	40.032.394.890	55.410.064.538
Tiền mặt	4.051.012.232	5.732.245.701
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.981.382.558	49.677.818.837
Các khoản tương đương tiền	-	175.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	-	175.000.000.000
Cộng	40.032.394.890	230.410.064.538
2. Các khoản đầu tư tài chính (phụ lục kèm theo)		

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	169.327.487.404	-	150.269.075.026	-
Khách hàng trong nước	126.827.124.259	-	103.701.894.371	-
<i>Cty CPDP TW Coduphar</i>	34.003.785.764	-	1.286.453.315	-
<i>Chi nhánh Mekophar Hà Nội</i>	23.593.252.940	-	17.012.172.968	-
<i>Cty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An Sinh</i>	353.244.087	-	625.569.478	-
<i>Khách hàng khác</i>	68.876.841.468	-	84.777.698.610	-
Khách hàng nước ngoài	42.500.363.145	-	46.567.180.655	-
<i>Neros Pharmaceuticals Ltd (1.580.338,10 USD)</i>	35.818.363.038	-	42.134.662.885	-
<i>Khách hàng khác</i>	6.682.000.107	-	4.432.517.770	-
Cộng	169.327.487.404	-	150.269.075.026	-
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
- Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An Sinh	353.244.087	-	625.569.478	-
Cộng	353.244.087	-	625.569.478	-

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	122.232.724.080	-	149.414.501.757	-
Nhà cung cấp trong nước	36.802.352.127	-	100.747.663.401	-
<i>Chi nhánh Zuellig Pharma Vietnam</i>	22.716.858.334	-	7.607.038.034	-
<i>Công ty TNHH Quốc tế Vinata - CN Tp.HCM</i>	-	-	90.652.207.800	-
<i>Cty TNHH TM & DV kỹ thuật OS</i>	2.105.541.732	-	654.266.140	-
<i>Cty TNHH Nguyễn Anh</i>	2.045.932.000	-	-	-
<i>Cty TNHH Thiết bị KHKT Thành Khoa</i>	2.173.354.200	-	-	-
<i>Khách hàng khác</i>	7.760.665.861	-	1.834.151.427	-
Nhà cung cấp nước ngoài	85.430.371.953	-	48.666.838.356	-
<i>Ima Industria Machine Automatiche Spa</i>	-	-	20.801.717.856	-
<i>CKD Corporation</i>	52.314.585.000	-	18.266.962.500	-
<i>Taisei Corporation</i>	10.079.499.430	-	6.377.070.700	-
<i>Kowa Co., Ltd</i>	3.538.611.000	-	-	-
<i>Daiichi Jitsugyo Co., Ltd</i>	16.558.020.000	-	-	-
<i>Khách hàng khác</i>	2.939.656.523	-	3.221.087.300	-
Cộng	122.232.724.080	-	149.414.501.757	-

5. Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	869.316.720	-	1.224.340.504	-
Tạm ứng	255.967		29.108.305	
Phải thu khác	869.060.753	-	1.195.232.199	-
<i>BH Y tế, BH xã hội, kinh phí công đoàn</i>	522.935.378	-	829.271.199	-
<i>Thù lao cho thành viên HĐQT không tham gia trực tiếp điều hành</i>	336.000.000	-	330.000.000	-
<i>Thu khác</i>	10.125.375	-	35.961.000	-
Cộng	869.316.720	-	1.224.340.504	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	134.206.667.365	-	133.722.533.959	-
Công cụ, dụng cụ	2.592.662.732	-	1.839.884.708	-
Chi phí SX, KD dở dang	21.361.928.311	-	18.428.015.539	-
Thành phẩm	62.839.098.391	-	55.346.644.104	-
Hàng hoá	30.269.938	-	210.694.846	-
Cộng	221.030.626.737	-	209.547.773.156	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.

- Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất;

+ Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Đối với quy trình kiểm tra hàng tồn kho mặt hàng liên quan đến thuốc công ty quản lý theo thời hạn sử dụng. Nếu những mặt hàng tồn kho đã hết hạn sử dụng công ty sẽ thực hiện hủy theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế. Do đó không có hàng tồn kho hư hỏng, lỗi thời, mất phẩm chất nên công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

7. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	557.197.627.409	-	98.111.567.308	-
Dự án Đầu tư Nghiên cứu Phát triển & Sản Xuất Sinh-Dược Phẩm Mekophar	452.421.959.407	-	95.426.090.308	-
Chi phí phần mềm kế toán dở dang	2.825.577.000	-	2.685.477.000	-
Mua sắm TSCĐ	101.950.091.002	-	-	-
Cộng	557.197.627.409	-	98.111.567.308	-

(*) Lý do không hoàn thành trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Đơn vị đang thực hiện triển khai hoàn thành xây dựng phần mềm kế toán sử dụng cho công ty và xây dựng nhà máy phục vụ dự án Đầu tư Nghiên cứu Phát triển và Sản xuất Sinh - Dược Phẩm Mekophar nhưng đến thời điểm 31/12/2017 chưa hoàn thành.

8. Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục kèm theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.438.152.000	2.628.299.139	10.066.451.139
<i>Tăng trong năm</i>		80.000.000	80.000.000
Số dư cuối năm	7.438.152.000	2.708.299.139	10.146.451.139
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm		2.628.299.139	2.628.299.139
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	26.666.664	26.666.664
Số dư cuối năm		2.654.965.803	2.654.965.803
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	7.438.152.000	-	7.438.152.000
Số dư cuối năm	7.438.152.000	53.333.336	7.491.485.336

* Quyền sử dụng đất tại số 17A CMT8, TP.Cần Thơ; số 410 Nguyễn Tri Phương, TP.Đà Nẵng; B26-B28-TT17 khu đô thị mới Văn Quán- Yên Phúc, Hà nội.

- Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: Không có
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.628.299.139VND
- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có
- Các thay đổi khác về Tài sản cố định vô hình: Không có.
- Thuyết minh số liệu và các giải trình khác: Không có.

10. Chi phí trả trước		
Chi phí trả trước	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí trả trước ngắn hạn	975.385.213	1.287.896.570
Tiền thuê máy chủ	17.050.000	17.049.998
Chi phí tư vấn dự án Kinh Dương Vương	90.000.000	90.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	277.457.274	1.180.846.572
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	308.385.030	-
Thuê văn phòng	196.610.909	-
Chi phí di dời cột điện	85.882.000	-
Chi phí trả trước dài hạn	3.995.320.394	-
Chi phí phát triển phần mềm in nhãn SATO	1.420.000.000	
Chi phí tư vấn	909.090.909	
Chi phí lắp đặt khác	343.368.000	
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.169.808.420	-
Kê kho Thành phẩm	825.511.974	-
Cộng	4.970.705.607	1.287.896.570

11. Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	58.136.416.053	58.136.416.053	45.027.181.129	45.027.181.129
Nhà cung cấp trong nước	48.200.986.738	48.200.986.738	41.220.845.923	41.220.845.923
<i>Công ty CP Dược Liệu TW2(PHYTO)</i>	27.865.784.188	27.865.784.188	19.355.784.729	19.355.784.729
<i>Công ty TNHH TM Dược Phẩm Sang</i>	2.642.947.026	2.642.947.026	2.749.902.137	2.749.902.137
<i>Công ty TNHH TM-SX BB Lê Hoàng</i>	1.585.768.800	1.585.768.800	1.682.412.600	1.682.412.600
<i>Công ty TNHH Quốc tế Vinata - CN Tp.HCM</i>	742.888.925	742.888.925	4.483.108.336	4.483.108.336
<i>Nhà cung cấp khác</i>	15.363.597.799	15.363.597.799	12.949.638.121	12.949.638.121
Nhà cung cấp nước ngoài	-	-	4.806.338.206	4.806.338.206
<i>Công ty Aceto Pte.Ltd</i>	-	-	112.240.750	112.240.750
<i>Công ty Apc Pharma & Chemical</i>	-	-	1.175.243.836	1.175.243.836
<i>Công ty Khs Synchemical Corp</i>	562.691.250	562.691.250	227.900.000	227.900.000
<i>Lupin Limited</i>	5.092.640.000	5.092.640.000	-	-
<i>Nipro Pharma Corporation</i>	2.786.408.565	2.786.408.565	-	-
<i>Công ty Roquette Freres</i>	-	-	417.384.720	417.384.720
<i>Công ty Ishan International PVT</i>	-	-	623.534.400	623.534.400
<i>Công ty Meyer Pharmaceuticals ,Ltd</i>	300.102.000	300.102.000	802.208.000	802.208.000
<i>Nhà cung cấp khác</i>	1.193.587.500	1.193.587.500	447.823.500	447.823.500
Cộng	58.136.416.053	58.136.416.053	45.027.181.129	45.027.181.129

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2017	01/01/2017
Ngắn hạn	11.830.010.281	9.276.664.445
Khách hàng trong nước	11.664.425.457	9.148.136.818
<i>Ngân hàng tế bào gốc</i>	11.054.794.805	8.192.150.903
<i>Khách hàng khác</i>	609.630.652	955.985.915
Khách hàng nước ngoài	165.584.824	128.527.627
<i>Khách hàng khác</i>	165.584.824	128.527.627
Cộng	11.830.010.281	9.276.664.445

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>01/01/2017</u>	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	<u>31/12/2017</u>
a. Phải nộp				
Thuế GTGT phải nộp	999.090.217	68.136.596.521	68.524.773.095	1.387.266.791
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	84.522.363	12.680.437.898	12.975.138.138	379.222.603
Thuế TNDN	3.068.582.083	29.155.778.998	38.665.071.691	12.577.874.776
Các loại thuế khác	-	237.310.814	237.310.814	-
Cộng	4.152.194.663	110.210.124.231	120.402.293.738	14.344.364.170
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng Hàng nhập khẩu nộp thừa	84.522.363	12.975.138.138	12.680.437.898	379.222.603
Thuế xuất, nhập khẩu	11.541.443	1.854.182.375	1.771.529.184	94.194.634
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa Nhà nước	56.672.405	4.428.927.516	4.408.096.786	77.503.135
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	9.581.197.674	9.571.203.028	9.994.646
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	613.917.032	736.191.761	122.274.729	-
Cộng	766.653.243	29.575.637.464	28.553.541.625	560.915.018

14. Doanh thu chưa thực hiện

Dài hạn	31/12/2017	01/01/2017
Doanh thu chưa thực hiện của MekoStem	52.054.693.098	36.002.294.360
Doanh thu chưa thực hiện của thành phẩm	3.321.639.574	2.370.382.506
Cộng	55.376.332.672	38.372.676.866

15. Phải trả khác

Ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
BH Y tế, BH xã hội, kinh phí công đoàn, đảng phí	154.141.150	143.389.092
Kinh phí đề tài Mekostem	-	177.595.069
Hội đồng quản trị	23.000.000	46.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.115.094.578	7.115.094.578
<i>Dự án 45 Võ Thị Sáu</i>	6.800.000.000	6.800.000.000
<i>Thuế TNDN (XN 24)</i>	91.299.513	91.299.513
<i>Kháng sinh Liên Xô</i>	118.181.818	118.181.818
<i>Các khoản phải trả khác</i>	105.613.247	105.613.247
Cộng	7.292.235.728	7.482.078.739
Dài hạn		
Dự phòng các dự án nghiên cứu	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

17. Vay và nợ thuê tài chính:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Vietcombank - CN Sài Gòn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Sài Gòn gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
0026/SGN.KHDN/CD17	7 năm	8.4%/ năm	20.000.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

18. Chi phí phải trả:

	31/12/2017	01/01/2017
Ngắn hạn	23.277.800.000	-
Trích trước chi phí hoạt động chưa có chứng từ	23.000.000.000	-
Chi phí khác	277.800.000	-
Cộng	23.277.800.000	-

19. Vốn chủ sở hữu:

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: (chi tiết xem phụ lục)

b. Chi tiết vốn của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp của Nhà nước	18,17%	35.283.600.000	35.283.600.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	81,83%	158.924.530.000	158.924.530.000
Thặng dư vốn cổ phần		295.058.504.458	295.058.504.458
Cổ phiếu quỹ		(14.487.151.158)	(14.487.151.158)
Cộng	100,00%	474.779.483.300	474.779.483.300

* Số lượng cổ phiếu quỹ là: 277.646 cổ phiếu tương đương giá trị là: 14.487.151.158 VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	194.208.130.000	194.208.130.000
Vốn góp đầu năm	194.208.130.000	151.234.130.000
Vốn góp tăng trong năm	-	42.974.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	194.208.130.000	194.208.130.000

Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.886.117.100	19.143.167.000
d. Cổ tức	Năm 2017	Năm 2016
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ		
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường</i>	18%	23%
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa ghi nhận	-	-
đ. Cổ phiếu	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.420.813	19.420.813
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.420.813	19.420.813
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.420.813	19.420.813
Số lượng cổ phiếu được mua lại	277.646	277.646
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	277.646	277.646
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.143.167	19.143.167
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.143.167	19.143.167
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2017	01/01/2017
Quỹ đầu tư phát triển	448.083.058.734	403.510.093.275
Cộng	448.083.058.734	403.510.093.275

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

20. Nguồn kinh phí:

Nguồn kinh phí	Năm 2017	Năm 2016
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	127.920.290	127.920.290
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	127.920.290
	Chi sự nghiệp trong năm	Nguồn chi sự nghiệp trong năm
	01/01/2017	31/12/2017
a. Chi sự nghiệp		
Chi sự nghiệp	304.079.710	21.000.000
b. Nguồn kinh phí chi sự nghiệp		
Nguồn kinh phí chi sự nghiệp	432.000.000	-

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2017		01/01/2017	
	Nguyên tệ	Giá trị (VNĐ quy đổi)	Nguyên tệ	Giá trị (VNĐ quy đổi)
USD	2.959,24	67.071.174	27.063,39	614.338.953
EUR	394,99	10.665.915	405,91	9.679.736

Cộng	77.737.089	624.018.689
-------------	-------------------	--------------------

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch

1. vụ	Năm 2017	Năm 2016
a. Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	708.184.970.576	648.721.660.418
Doanh thu bán hàng hóa	589.661.376.614	544.506.314.628
Doanh thu dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	51.001.232.742	55.272.688.800
Doanh thu bán vật tư	10.360.593.215	10.177.199.247
Doanh thu cho thuê mặt bằng	7.897.454.544	3.287.272.728
Cộng	1.367.105.627.691	1.261.965.135.821
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	Năm 2017	Năm 2016
Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An Sinh	9.213.108.866	5.414.738.608
Cộng	9.213.108.866	5.414.738.608
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2017	Năm 2016
Hàng bán bị trả lại	380.049.354	225.132.880
Giảm giá hàng bán	44.960.000	-
Cộng	425.009.354	225.132.880
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán thành phẩm	707.811.719.536	648.502.175.157
Doanh thu bán hàng hóa	589.654.578.300	544.500.667.009
Doanh thu dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	50.956.272.742	55.272.688.800
Doanh thu bán vật tư	10.360.593.215	10.177.199.247
Doanh thu cho thuê mặt bằng	7.897.454.544	3.287.272.728
Cộng	1.366.680.618.337	1.261.740.002.941
4. Giá vốn hàng bán	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn của thành phẩm đã bán	446.195.151.679	437.559.432.974
Giá vốn của hàng hóa đã bán	586.027.124.963	540.330.306.974
Giá vốn dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	14.849.008.104	10.064.368.359
Giá vốn của vật tư, dịch vụ đã cung cấp	7.616.750.573	6.747.627.261
Cộng	1.054.688.035.319	994.701.735.568
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.885.525.769	23.141.850.029
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.935.416.176	5.388.640.000
<i>Công ty CP Dược Phẩm Mekong</i>	-	50.000.000
<i>Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa An Sinh</i>	9.592.658.176	4.000.000.000
<i>Công ty CP Dược Phẩm Trung Ương Vidiphar</i>	539.956.000	179.978.000
<i>Công ty CP Bao Bì Dược</i>	764.440.000	1.120.300.000
<i>Công ty CP Dược Phẩm OPC</i>	38.362.000	38.362.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	414.942.356	337.534.685
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	569.484.688

Cộng	26.235.884.301	29.437.509.402
6. Chi phí tài chính	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền vay	158.666.667	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	950.447.297	1.106.611.124
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	92.980.509	-
Cộng	1.202.094.473	1.106.611.124
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017	Năm 2016
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	27.609.364.975	24.607.793.704
Chi phí khấu hao TSCĐ	537.274.652	609.928.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.721.369.751	16.231.551.848
Chi phí hoa hồng	19.169.714.845	17.044.196.481
Chi phí vận chuyển	6.799.567.170	4.597.111.548
Chi phí bằng tiền khác	576.391.918	680.740.364
Cộng	73.413.683.311	63.771.322.173
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân viên	40.260.464.369	35.755.789.736
Chi phí vật liệu, bao bì	11.568.617.642	7.714.202.223
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.039.112.972	4.417.795.770
Thuế, phí, lệ phí	12.057.206.992	20.461.513.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.291.933.547	2.913.594.153
Chi phí bằng tiền khác	45.405.192.416	24.547.639.329
Cộng	117.622.527.938	95.810.535.052
8. Thu nhập khác	Năm 2017	Năm 2016
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ (*)	27.272.727	18.454.543
Các khoản khác (Xử lý kiểm kê thừa)	921.658.068	1.245.885.988
Thu nhập khác	378.762.109	1.365.525
Cộng	1.327.692.904	1.265.706.056
9. Chi phí khác	Năm 2017	Năm 2016
Các khoản khác (Xử lý kiểm kê thiếu)	379.987.669	120.325.784
Cộng	379.987.669	120.325.784
(*) Thuyết minh hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	Năm 2017	Năm 2016
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	27.272.727	18.454.543
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Lãi/(lỗ) hoạt động thanh lý nhượng bán tài	27.272.727	

<i>sản cố định</i>		<i>18.454.543</i>
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	437.257.893.595	387.003.240.238
Chi phí nhân công	116.952.676.952	104.422.616.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.485.509.954	14.275.134.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.805.396.726	33.936.499.435
Chi phí khác bằng tiền	82.353.705.040	68.790.000.799
Cộng	694.855.182.267	608.427.491.523
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2017	Năm 2016
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	38.577.874.776	32.068.582.083
<i>Công ty Mẹ</i>	38.577.874.776	32.051.041.577
<i>Công ty Con</i>	-	17.540.506
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	87.196.915	675.000.636
<i>Công ty Mẹ</i>	87.196.915	675.000.636
<i>Công ty Con</i>	-	-
3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.665.071.691	32.743.582.719
12. Lãi trên cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	114.559.286.521	119.658.840.608
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	56.109.659.855)
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(56.109.659.855)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	114.559.286.521	63.549.180.753
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.143.167	16.043.451
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.984	3.961
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.984	3.961

(*): Khoản lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được tính trừ phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và các quỹ khác theo quy định hiện hành. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2017 sẽ được điều chỉnh và trình bày lại sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.

Tại ngày 31/12/2017, không có tác động làm suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu.

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

13.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay		
VNĐ	+200	400.647.898
VNĐ	-200	(400.647.898)
Năm trước		
VNĐ	+200	4.013.567.756
VNĐ	-200	(4.013.567.756)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền gửi ngân hàng của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	<i>Thay đổi tỷ giá USD</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay	+ 1%	326.426.709
	-1%	(326.426.709)
Năm trước	+ 1%	433.902.160
	-1%	(433.902.160)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 10.946.711.100 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 10.946.711.100 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 1.094.671.110 đồng Việt Nam.

13.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

13.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ			20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả người bán	58.136.416.053			58.136.416.053
Cộng	58.136.416.053	-	20.000.000.000	78.136.416.053
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Phải trả người bán	45.027.181.129			45.027.181.129
Cộng	45.027.181.129	-	-	45.027.181.129

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn. Đồng thời công ty kiểm soát lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn thanh toán.

Tài sản đảm bảo: Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

13.4 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (phụ lục kèm theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không có các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An sinh	Công ty liên kết	Bán hàng	Số dư đầu năm	625.569.478
			Bán hàng trong năm	10.027.668.857
			Thu tiền trong năm	10.299.994.248
			Số dư cuối năm	353.244.087

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		Năm 2017	Năm 2016
Hội đồng quản trị; Ban Tổng giám đốc và Ban điều hành công ty.	Lương, thưởng và thù lao	4.334.662.427	4.016.581.149
Cộng		4.334.662.427	4.016.581.149

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

4.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2017**

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Thành phẩm	707.811.719.536	446.195.151.679	261.616.567.857
Hàng hóa	589.654.578.300	586.027.124.963	3.627.453.337
Dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	50.956.272.742	14.849.008.104	36.107.264.638
Vật tư	10.360.593.215	7.616.750.573	2.743.842.642
Cho thuê mặt bằng	7.897.454.544	-	7.897.454.544
Cộng	1.366.680.618.337	1.054.688.035.319	311.992.583.018

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2016

Chỉ tiêu	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Thành phẩm	648.502.175.157	437.559.432.974	210.942.742.183
Hàng hóa	544.500.667.009	540.330.306.974	4.170.360.035
Dịch vụ ngân hàng tế bào gốc	55.272.688.800	10.064.368.359	45.208.320.441
Vật tư	10.177.199.247	6.747.627.261	3.429.571.986
Cho thuê mặt bằng	3.287.272.728	-	3.287.272.728
Cộng	1.261.740.002.941	994.701.735.568	267.038.267.373

4.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

6. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày lại như sau:

Công ty thực hiện điều chỉnh và trình bày lại chỉ tiêu "Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu" năm 2016 theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/04/2017.

Trên bảng Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.458	3.961	(3.497)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	7.458	3.961	(3.497)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a1. Tổng giá trị cổ phiếu	10.946.711.100	-	11.856.110.000	10.946.711.100	-	10.946.711.100
Công ty CP Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHAR	4.070.000.000	-	4.070.000.000	4.070.000.000	-	4.070.000.000
Công ty CP Dược Phẩm OPC	241.461.100	-	1.150.860.000	241.461.100	-	241.461.100
Công ty CP Bao bì Dược	6.635.250.000	-	6.635.250.000	6.635.250.000	-	6.635.250.000
	10.946.711.100	-	11.856.110.000	10.946.711.100	-	10.946.711.100

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	-	-	160.000.000.000	160.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	160.000.000.000	160.000.000.000
Cộng	-	-	160.000.000.000	160.000.000.000

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	18.510.000.000	-	24.796.491.380	18.510.000.000	-	33.979.734.629
Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An Sinh - Tỷ lệ vốn góp 22%.	18.510.000.000	-	24.796.491.380	18.510.000.000	-	33.979.734.629
Đầu tư dài hạn khác	23.510.500.000	-	23.510.500.000	23.510.500.000	-	23.510.500.000
Công ty TNHH Orchids, tỷ lệ góp vốn 15%.	5.550.000.000	-	5.550.000.000	5.550.000.000	-	5.550.000.000
Công ty TNHH MTV Bất Động Sản ARECO, tỷ lệ góp vốn 5%.	17.960.500.000	-	17.960.500.000	17.960.500.000	-	17.960.500.000
Tổng cộng	42.020.500.000	-	48.306.991.380	42.020.500.000	-	57.490.234.629

(*) Tình hình hoạt động của các công ty liên kết và các giao dịch trọng yếu giữa các bên liên quan trong năm:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302774433 ngày 25 tháng 11 năm 2002 do Sở KH&ĐT cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An sinh là 14.900.000.000 đồng, tương đương 22% vốn điều lệ. Trong năm Công ty CP Hóa-Dược phẩm Mekophar không đầu tư thêm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã đầu tư 18.510.000.000 đồng, tương đương 22% vốn điều lệ (số đầu năm là 18.510.000.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ). Công ty hoạt động ổn định qua các năm và năm 2017 có lãi và chia cổ tức.

Tình hình hoạt động của các khoản đầu tư khác trong năm:**Thuyết minh khoản đầu tư khác - Công ty TNHH Orchids**

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Số 108/HĐHTKD/MKP-OR/2015) ký với Công ty TNHH Orchids để thực hiện dự án xây dựng và khai thác cao ốc Văn phòng tại số 192 đường Pasteur, phường 6, quận 3, Tp.Hồ Chí Minh. Dự án được xây dựng với tổng số vốn góp dự kiến là 65.000.000.000 đồng, được góp qua 2 lần (Lần 1 với tổng vốn góp 37.000.000.000 đồng, và lần 2 với tổng vốn góp 28.000.000.000 đồng. Công ty cam kết sẽ góp 15% trong tổng vốn đầu tư của dự án này với số tiền là: 9.750.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp vốn theo cam kết là 5.550.000.000 đồng (góp lần 1 theo tiến độ của hợp đồng). Dự án đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản.

Tình hình hoạt động của các khoản đầu tư khác trong kỳ:

Thuyết minh khoản đầu tư khác - Công ty TNHH MTV Bất động sản ARECO

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312696199 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Bất động sản ARECO là 17.960.500.000 đồng, tương đương 5% vốn điều lệ. Công ty đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, chưa hoạt động chính thức.

(*) Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2017 của các khoản đầu tư

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Dược phẩm OPC được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE và số lượng Cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty TNHH Bệnh viện An Sinh được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư khác chưa được đánh giá và xác định chính thức vào ngày 31/12/2017 và 31/12/2016 do các Công ty này không niêm yết trên các thị trường chứng khoán có giá tham chiếu tin cậy. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã tạm ghi nhận giá trị hợp lý theo giá gốc của các khoản đầu tư và trình bày thuyết minh về tình hình hoạt động của các công ty trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	53.610.571.336	123.343.172.425	15.143.538.903	46.899.494.576	238.719.222.817
<i>Mua trong năm</i>	-	1.056.781.500	1.490.313.182	1.040.758.055	3.587.852.737
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(141.797.852)		(141.797.852)
Số dư cuối năm	53.610.571.336	124.399.953.925	16.492.054.233	47.781.948.208	242.284.527.702
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	32.104.879.657	94.374.658.718	11.854.428.938	37.344.656.099	175.678.623.412
<i>Khấu hao trong năm</i>	2.377.333.684	6.680.498.524	907.470.016	3.493.541.066	13.458.843.290
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(141.797.852)		(141.797.852)
Số dư cuối năm	34.482.213.341	101.055.157.242	12.620.101.102	40.838.197.165	188.885.668.850
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	21.505.691.679	28.968.513.707	3.289.109.965	9.277.284.054	63.040.599.405
Số dư cuối năm	19.128.357.995	23.344.796.683	3.871.953.131	6.943.751.043	53.288.858.852

- Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: Không có.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 115.076.814.706 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: Không có.
- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.
- Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: Không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	151.234.130.000	156.129.704.458	(14.487.151.158)	403.510.093.275	-	696.386.776.575
Tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu	42.974.000.000	138.928.800.000	-	-	-	181.902.800.000
Lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	119.658.840.608	119.658.840.608
Tạm trả cổ tức cổ đông năm 2016	-	-	-	-	(19.143.167.000)	(19.143.167.000)
Số dư cuối năm trước	194.208.130.000	295.058.504.458	(14.487.151.158)	403.510.093.275	100.515.673.608	978.805.250.183
Số dư đầu năm nay	194.208.130.000	295.058.504.458	(14.487.151.158)	403.510.093.275	100.515.673.608	978.805.250.183
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	114.559.286.521	114.559.286.521
Trích chi phí HĐQT năm 2016	-	-	-	-	(330.000.000)	(330.000.000)
Trích khen thưởng HĐQT 2016	-	-	-	-	(1.342.000.000)	(1.342.000.000)
Trích các quỹ từ lợi nhuận 2016	-	-	-	44.572.965.459	(44.572.965.459)	-
Cổ tức trả cổ đông năm 2016	-	-	-	-	(24.886.117.100)	(24.886.117.100)
Trích quỹ KT - PL từ lãi 2016	-	-	-	-	(9.844.694.396)	(9.844.694.396)
Chi khác từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	(20.000.000)	(20.000.000)
Giảm cổ tức các năm trước được chia công ty liên kết	-	-	-	-	(15.469.764.629)	(15.469.764.629)
Số dư cuối năm nay	194.208.130.000	295.058.504.458	(14.487.151.158)	403.510.093.275	118.609.448.545	1.041.471.990.579

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.13 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2017		31/12/2016		31/12/2017	31/12/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	160.000.000.000	-	-	160.000.000.000
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.946.711.100	-	10.946.711.100	-	11.856.110.000	10.946.711.100
- Phải thu khách hàng	169.327.487.404	-	150.269.075.026	-	169.327.487.404	150.269.075.026
- Phải thu khác	10.125.375	-	35.961.000	-	10.125.375	35.961.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	40.032.394.890	-	230.410.064.538	-	40.032.394.890	230.410.064.538
TỔNG CỘNG	220.316.718.769	-	551.661.811.664	-	221.226.117.669	551.661.811.664
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	20.000.000.000	-		-	20.000.000.000	-
- Phải trả người bán	58.136.416.053	-	45.027.181.129	-	58.136.416.053	45.027.181.129
TỔNG CỘNG	78.136.416.053	-	45.027.181.129	-	78.136.416.053	45.027.181.129